

TỜ TRÌNH

Về việc phê chuẩn điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2020.

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 37/TTr-SKHĐT ngày 18/6/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc chuẩn bị nội dung trình kỳ họp thứ 15 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét phê chuẩn điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2020 như sau:

1. Về nguồn vốn điều chỉnh:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương, vốn bội chi ngân sách địa phương: do Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao nên giữ như kế hoạch đầu năm, UBND tỉnh sẽ báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chuyển theo tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân các dự án.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách địa phương: dự kiến tổng nguồn vốn kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2020 là 14.909 tỷ 287 triệu đồng, tăng 1.441 tỷ 924 triệu đồng so kế hoạch bố trí. Nguồn vốn tăng thêm được cân đối từ nguồn kết dư kế hoạch đầu tư công các năm trước chuyển sang.

2. Phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020:

- Giảm vốn cho 106 dự án với số vốn là 1.911 tỷ 296 triệu đồng.

- Ngưng bố trí vốn cho 19 dự án với số vốn là 71 tỷ 373 triệu đồng.

- Tăng vốn cho 102 dự án với số vốn là 2.117 tỷ 502 triệu đồng.

- Bổ sung mới 118 danh mục với tổng số vốn bố trí là 1.307 tỷ 091 triệu đồng; trong đó vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện từ nguồn vốn kết dư năm 2019 là 1.190 tỷ 841 triệu cho 66 dự án mới, còn lại một số danh mục cấp thiết bổ sung theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

3. Phân bổ kế hoạch đầu tư công theo ngành, lĩnh vực:

3.1. Vốn ngân sách địa phương.

a) *Vốn ngân sách cấp tỉnh: 10.160 tỷ 399 triệu đồng, phân bổ cho 399 dự án (tăng 57 dự án so với đầu kỳ).*

- **Vốn tỉnh tập trung:**



+ Hạ tầng kinh tế: 4.553 tỷ 582 triệu đồng (tăng 9 tỷ 943 triệu đồng), phân bổ 86 cho dự án.

+ Hạ tầng văn hóa – xã hội: 2.242 tỷ 329 triệu đồng (tăng 78 tỷ 005 triệu đồng), phân bổ cho 82 dự án.

+ Quản lý nhà nước – Quốc phòng – An ninh: 679 tỷ 408 triệu đồng (tăng 95 tỷ 415 triệu đồng), phân bổ cho 49 dự án.

- **Vốn xổ số kiến thiết:** 1.578 tỷ 028 triệu đồng, phân bổ cho 123 dự án.

- **Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện:** 1.308 tỷ 135 triệu đồng, phân bổ cho 58 dự án.

b) Vốn ngân sách cấp huyện: 3.335 tỷ 505 triệu đồng, bao gồm vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện từ nguồn cải cách tiền lương là 734 tỷ 664 triệu đồng, vốn phân cấp theo tiêu chí là: 1.410 tỷ đồng, vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện từ nguồn vốn kết dư năm 2019 là: 1.190 tỷ 841 triệu đồng.

3.2. Vốn ngân sách Trung ương: Thực hiện theo danh mục và kế hoạch vốn cụ thể của Trung ương giao.

- **Vốn nước ngoài (ODA):** phân bổ cho 02 dự án với tổng số vốn bổ trợ là 505 tỷ 200 triệu đồng.

- **Vốn trong nước đầu tư theo các chương trình mục tiêu:** phân bổ cho 02 dự án thuộc lĩnh vực giao thông với tổng số vốn phân bổ là 41 tỷ 100 triệu đồng (theo danh mục dự án Trung ương giao).

4. Kiến nghị:

- HĐND tỉnh xem xét chấp thuận bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020 với tổng vốn 14.909 tỷ 287 triệu đồng, tăng 1.441 tỷ 924 triệu đồng so kế hoạch được giao tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 10/3/2020 của HĐND tỉnh về điều chỉnh một số nội dung của Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2020.

- Giao UBND tỉnh trong quá điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hàng năm nếu có những danh mục dự án thay đổi, bổ sung so với kế hoạch đầu tư công trung hạn mà vẫn đảm bảo nguồn vốn cân đối thì chấp thuận cho điều chỉnh và giải ngân các danh mục đó và tổng hợp chung vào kỳ điều chỉnh trung hạn tổng thể tiếp theo để đảm bảo tính linh hoạt và chủ động trong điều hành kế hoạch đầu tư công hàng năm.

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT và các PCT;
- Sở KHĐT, Sở TC;
- UBND các huyện, TX, TP;
- LĐVP, CV;
- Lưu: VT. *Phu 14*



Trần Thanh Liêm



Phụ lục I

TỔNG MẶT ĐỀ CHIẾN LƯỢC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 LẦN 2

Kiểm tra và phê duyệt tại Quyết định số 2953/TT-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh KH 2020 lần 2	Chênh lệch
	TỔNG CỘNG (A+B)	484	13.467.363	14.909.287	1.441.924
A	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	4	546.300	546.300	0
I	VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)	2	505.200	505.200	0
II	VỐN TRONG NƯỚC	2	41.100	41.100	0
	<i>Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu</i>	<i>2</i>	<i>41.100</i>	<i>41.100</i>	<i>0</i>
B	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III)	480	12.921.063	14.362.987	1.441.924
I	VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (1+2+3+4)	399	10.160.399	10.411.482	251.083
1	Vốn ngân sách tỉnh tập trung	217	7.291.956	7.475.319	183.363
1.1	Chuẩn bị đầu tư (a+b+c)	87	996.339	920.955	-75.384
a	Hạ tầng kinh tế	38	900.619	868.101	-32.518
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	27	31.200	27.795	-3.405
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	22	64.520	25.059	-39.461
1.2	Thực hiện dự án (a+b+c)	130	6.295.617	6.554.364	258.747
a	Hạ tầng kinh tế	48	3.643.020	3.685.481	42.461
b	Hạ tầng văn hóa xã hội	55	2.133.124	2.214.534	81.410
c	QLNN - Quốc phòng - An ninh	27	519.473	654.349	134.876
2	Vốn xổ số kiến thiết (a+b)	123	1.578.028	1.578.028	0
a	Cấp tỉnh làm chủ đầu tư	4	127.751	134.358	6.607
b	Cấp huyện làm chủ đầu tư	119	1.450.277	1.443.670	-6.607
3	Vốn tỉnh hỗ trợ cấp huyện	58	1.240.415	1.308.135	67.720
4	Lập Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	1	50.000	50.000	0
II	VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	81	2.144.664	3.335.505	1.190.841
1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		1.410.000	1.410.000	0
2	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	15	734.664	734.664	0
3	Vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp huyện từ nguồn vốn kết dư năm 2019	66	0	1.190.841	1.190.841
III	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		616.000	616.000	0



Phụ lục II

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 LẦN 2

Riêng theo các nguồn vốn trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố

Số báo Tờ trình số 2953/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020
của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt		Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh 2020 lần 2	Tăng	Giảm	Chênh lệch
	TỔNG CỘNG (1+2+...+8+9)	191	4.835.356	4.896.369	225.740	-164.727	61.013
	Vốn phân cấp theo tiêu chí		1.410.000	1.410.000	0		0
	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	58	1.240.415	1.308.135	94.250	-26.530	67.720
	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	118	1.450.277	1.443.570	116.983	-123.690	-6.707
	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	15	734.664	734.664	14.507	-14.507	0
1	Thành phố Thủ Đức Một	35	1.139.221	1.213.172	73.951	0	73.951
1.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		233.979	233.979	0	0	0
1.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	14	563.800	588.345	24.545		24.545
1.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	19	251.442	300.848	49.406		49.406
1.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	2	90.000	90.000	0	0	0
2	Thị xã Thuận An	27	882.297	901.922	19.677	-52	19.625
2.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		280.752	280.752	0	0	0
2.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	6	74.000	93.177	19.177		19.177
2.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	17	262.045	261.993		-52	-52
2.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	4	265.500	266.000	500		500
3	Thị xã Dĩ An	19	747.896	655.199	0	-92.697	-92.697
3.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		271.619	271.619	0	0	0
3.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	3	84.000	80.500		-3.500	-3.500
3.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	15	307.277	218.080		-89.197	-89.197
3.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	1	85.000	85.000	0	0	0
4	Thị xã Tân Uyên	21	363.301	359.353	17.373	-21.321	-3.948
4.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		107.805	107.805	0	0	0
4.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	6	66.084	44.763		-21.321	-21.321
4.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	13	72.412	89.785	17.373		17.373
4.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	2	117.000	117.000	0	0	0
5	Huyện Bắc Tân Uyên	13	332.404	352.404	20.000	0	20.000
5.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		93.719	93.719	0	0	0
5.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	3	111.000	131.000	20.000		20.000
5.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	9	114.185	114.185	0	0	0
5.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	1	13.500	13.500	0	0	0
6	Thị xã Bến Cát	17	435.795	402.213	859	-34.441	-33.582
6.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		115.139	115.139	0	0	0
6.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	6	118.752	119.511	859		859
6.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	10	158.904	124.463		-34.441	-34.441
6.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	1	43.000	43.000	0	0	0
7	Huyện Bàu Bàng	17	236.576	262.035	27.168	-1.709	25.459
7.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		87.873	87.873	0	0	0
7.2	Vốn tình hỗ trợ cho cấp huyện	5	52.000	50.291		-1.709	-1.709
7.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	12	96.703	123.871	27.168		27.168
8	Huyện Phú Giáo	22	374.702	383.249	23.054	-14.507	8.547
8.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		104.376	104.376	0	0	0

Stt	 Danh mục	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh 2020 lần 2	Tăng	Giảm	Chênh lệch
8.2	Vốn tình hình cấp huyện	9	148.026	153.570	5.544		5.544
8.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	11	57.800	75.310	17.510		17.510
8.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	2	64.500	49.993		-14.507	-14.507
9	Huyện Dầu Tiếng	20	323.164	366.822	43.658	0	43.658
9.1	Vốn phân cấp theo tiêu chí		114.738	114.738	0	0	0
9.2	Vốn tình hình hỗ trợ cho cấp huyện	6	22.753	46.878	24.125		24.125
9.3	Vốn XSKT cấp huyện làm chủ đầu tư	12	129.509	135.035	5.526		5.526
9.4	Vốn bổ sung mục tiêu ngân sách cấp huyện	2	56.164	70.171	14.007		14.007



Phụ lục III

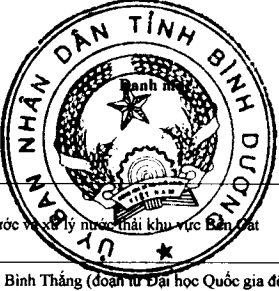
PHỤ LỤC III KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 LẦN 2

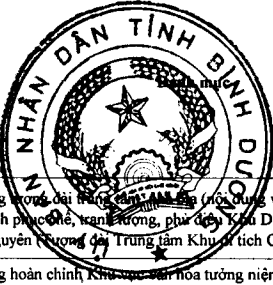
DANH MỤC SÁCH TẬP TRUNG - CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

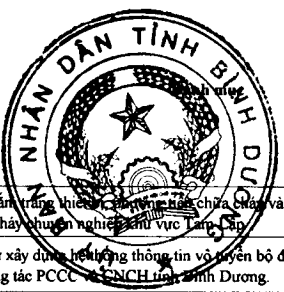
Số báo cáo trình số 2953/TT-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh

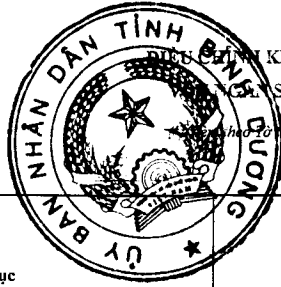
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020 (QĐ 3855/QĐ-UBND và QĐ 700/QĐ-UBND) của UBND tỉnh	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020	Tăng	Giảm	Chênh lệch
	TỔNG SỐ (A+B+C)		87	996.339	920.955	450.776	-526.160	-75.384
A	HẠ TẦNG KINH TẾ		38	900.619	868.101	431.218	-463.736	-32.518
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		22	742.040	321.601	3.370	-423.809	-420.439
1	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Văn Mên (Hương lộ 9) từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến cảng An Sơn	UBND Tx Thuận An	1	2.000	500		-1.500	-1.500
2	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 (giai đoạn 2018 - 2021)	UBND Tx Thuận An	1	715.245	301.000		-414.245	-414.245
2.1	Giải phóng quốc lộ 13 đoạn từ nút giao Tư Do đến Ngã tư Lê Hồng Phong	UBND Tx Thuận An			300.000			
2.2	Giải phóng mặt bằng quốc lộ 13 đoạn từ Ngã tư Cầu Ông Bô đến nút giao Hữu Nghị	UBND Tx Thuận An			500			
2.3	Giải phóng mặt bằng quốc lộ 13 đoạn từ Công chào Vĩnh Phú đến Ngã tư Cầu Ông Bô	UBND Tx Thuận An			500			
3	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT742 đoạn qua thành phố Thủ Dầu Một và thị xã Tân Uyên	UBND Tx Tân Uyên	1	1.930	100		-1.830	-1.830
4	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT747a đoạn từ Thái Hòa đến Uyên Hưng	UBND Tx Tân Uyên	1	400	100		-300	-300
5	Giải phóng mặt bằng đường Đất Cuốc đi Thới Hòa - An Điền (trùng tuyến đường Vành đai 4)	UBND thị xã Bến Cát	1	1.505	396		-1.109	-1.109
6	Đường vành đai Đông Bắc 2 - Đoạn từ trục chính Đông Tây (khu vực giữa khu dân cư Bình Nguyên và Trường Cao đẳng nghề Đồng An) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn	UBND thị xã Dĩ An	1	1.000	1.000	0	0	0
7	Nâng cấp, mở rộng ĐT748 đoạn từ giáp giao lộ ngã tư Phú Thứ đến vành đai Bắc thị trấn Mỹ Phước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	5.080	4.200		-880	-880
8	Cải tạo hạ tầng giao thông công cộng tại tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	3.000	328		-2.672	-2.672
9	Nâng cấp đường ĐT746 đoạn từ Cầu Gò đến bến đò Hiếu Liêm	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	2.900	2.900	0	0	0
10	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT741B	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	1.220	1.720	500		500
11	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT746 đoạn từ ngã ba Tân Thành đến ngã ba Hội Nghĩa	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	2.260	2.950	690		690
12	Xây dựng tường kè gia cố bờ sông Sài Gòn (đoạn từ cầu Thủ Ngũ đến rạch Bảy Tra)	UBND Tp.Thủ Dầu Một	1	500	1.780	1.280		1.280
13	Xây dựng đường từ Tân Long - Lai Uyên thuộc tuyến tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	1	1.500	1.500	0	0	0
14	Xây dựng đường từ ngã ba Tam Lập đến Bàu Bàng thuộc tuyến đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Phú Giáo	1	750	127		-623	-623
15	Xây dựng đường từ cầu Tam Lập đến Đồng Phú thuộc tuyến đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Phú Giáo	1	750	100		-650	-650
16	Xây dựng hầm chui tại nút giao ngã tư Chợ Đình	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	1	1.000	1.000	0	0	0
17	Xây dựng hầm chui tại nút giao ngã năm Phước Kiến	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	1	1.000	1.000	0	0	0
18	Xây dựng hạ lưu các công ngang đường ĐT.744 đoạn đi qua địa bàn huyện Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1		200	200		200
19	Nâng cấp mở rộng đường ĐT.750 (đoạn từ ngã 4 làng 5 đến trung tâm xã Định Hiệp)	UBND huyện Dầu Tiếng	1		200	200		200
20	Nâng cấp, mở rộng ĐT744 (đoạn từ Km24+460 đến ngã tư Cẩn Cát)	UBND huyện Dầu Tiếng	1		200	200		200
21	Nâng cấp, mở rộng đường vào khu du lịch Lồng Hồ Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1		200	200		200
22	Nâng cấp mở rộng đường An Bình và kết nối cầu vượt Sông Thần	UBND thị xã Dĩ An	1		100	100		100
II	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		6	97.924	494.293	416.000	-19.631	396.369
23	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp.Thủ Dầu Một	1	2.500	500		-2.000	-2.000
24	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thị xã Thuận An	UBND thị xã Thuận An	1	23.000	439.000	416.000		416.000

STT		Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020 (QĐ 3855/QĐ-UBND và QĐ 700/QĐ-UBND) của UBND tỉnh	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020	Tăng	Giảm	Chênh lệch
25	Dự án thoát nước và xử lý nước thải khu vực Bến Cát	Ban QLDA chuyên ngành nước thải Bình Dương	1	4.000	4.000	0	0	0
26	Xây dựng suối Bình Thắng (đoạn từ Đại học Quốc gia đến Quốc lộ 1A), phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	UBND thị xã Dĩ An	1	100	100	0	0	0
27	Dự án tổng thể bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Bến Cát	Ban QLDA chuyên ngành nước thải Bình Dương	1	324	324	0	0	0
28	Dự án bồi thường, hỗ trợ di dời các hộ dân thuộc khu vực có nguy cơ sạt lở ven sông Đồng Nai, huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	68.000	50.369		-17.631	-17.631
III CÁC KHOẢN CHI KHÁC THEO QUY ĐỊNH			3	52.500	42.175	7.675	-18.000	-10.325
29	Xây dựng khu tái định cư và lập phương án di dời các hộ dân đang sinh sống trong rừng phòng hộ Núi Cậu Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1	3.500	11.175	7.675		7.675
30	Xóa điện kế dùng chung trên địa bàn huyện Phú Giáo	UBND huyện Phú Giáo	1	48.000	30.000		-18.000	-18.000
31	Xây dựng khu tái định cư An Thạnh	UBND thị xã Thuận An	1	1.000	1.000	0	0	0
IV CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - CẤP, THOÁT NƯỚC			7	8.155	10.032	4.173	-2.296	1.877
32	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước Bình Hòa	Ban QLDA ngành NN và PTNT	1	2.655	2.359		-296	-296
33	Nạo vét, gia cố Suối Cái và các tuyến suối còn lại từ sau cầu Thợ Út 100m đến sông Đồng Nai	Sở Nông nghiệp và PTNT	1	2.000			-2.000	-2.000
34	Đầu tư giải quyết điểm ngập đoạn Ngã Ba Cống đường Thích Quảng Đức (từ Ngã Ba Cống đến cầu Bà Hén)	Ban QLDA ngành NN và PTNT	1	500	1.000	500		500
35	Xây dựng mới hệ thống thoát nước hạ lưu đường Lê Thị Trung	UBND thị xã Thuận An	1	1.000	1.000	0	0	0
36	Xây dựng hệ thống thoát nước trên ĐT744 đoạn qua xã Phú An, An Tây	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	1	2.000	2.000	0	0	0
37	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương bảo vệ lưu vực Sông Đồng Nai	Ban QLDA chuyên ngành nước thải Bình Dương	1		2.673	2.673		2.673
38	Dự án nâng công suất nhà máy, đầu tư các tuyến ống nhánh công trình cấp nước tập trung nông thôn xã Bạch Đằng, xã Thanh Hội - thị xã Tân Uyên	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1		1.000	1.000		1.000
B HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI			27	31.200	27.795	1.209	-4.614	-3.405
I SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ			5	6.200	5.436	100	-864	-764
39	Dự án: Các công trình Trường Đại học Thủ Dầu Một	Trường Đại học Thủ Dầu Một	1	2.500	2.500	0	0	0
40	Dự án: Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công, tường rào và khuôn viên cây xanh Trường Đại học Thủ Dầu Một	Trường Đại học Thủ Dầu Một	1	2.500	2.500	0	0	0
41	Trường THPT chuyên Hùng Vương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	1.000	136		-864	-864
42	Xây dựng Khu văn phòng và hợp tác quốc tế, đầu tư thiết bị đào tạo cho Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore	Trường CDN Việt Nam - Singapore	1		100	100		100
43	Trường trung cấp nông lâm nghiệp Bình Dương	Sở LĐTBXH	1	200	200	0	0	0
II SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			6	4.000	3.809	809	-1.000	-191
44	Tăng cường năng lực phân tích kiểm nghiệm của Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh thuộc Sở Y tế (giai đoạn 2)	Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh	1	1.000			-1.000	-1.000
45	Đầu tư Cơ sở hạ tầng Khu tái định cư thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước, phường Định Hòa	UBND TP TDM	1	200	859	659		659
46	Hệ thống thu gom nước thải Khu Quy hoạch Định Hòa	Ban QLDA chuyên ngành nước thải Bình Dương	1	1.800	1.800	0	0	0
47	Khởi giáo dục và đào tạo - khởi kỹ túc xã học viên thân nhân người bệnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1		100	100		100
48	Bãi đậu xe, công viên cây xanh và hàng rào trạm xử lý nước thải thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc khỏe cán bộ tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1		50	50		50
49	Nâng cấp cơ sở vật chất Bệnh viện Phục hồi chức năng	Bệnh viện Phục hồi chức năng	1	1.000	1.000	0	0	0
III CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (CÔNG NGHỆ THÔNG TIN)			1	500	500	0	0	0
50	Xây dựng hệ thống phần mềm nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu cấp tỉnh phục vụ triển khai Khung kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh giai đoạn 2017-2018	Sở Thông tin Truyền thông	1	500	500	0	0	0
IV SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN			6	11.000	8.250	0	-2.750	-2.750
51	Tôn tạo di tích lịch sử Khảo Cổ Đốc Chùa	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	2.000	150		-1.850	-1.850
52	Trùng tu, tôn tạo di tích Sở Chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 3: Dự án bồi thường, giải tỏa)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	6.000	6.000	0	0	0

STT		Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020 (QĐ 3855/QĐ-UBND và QĐ 700/QĐ-UBND) của UBND tỉnh	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020	Tăng	Giảm	Chênh lệch
53	Xây dựng trong dài hạn Khu di tích (phần dựng văn bia), các hạng mục công trình phục chế, trùng tu, phục dựng Khu Di tích lịch sử Chiến khu Long Nguyên (trong đó Trung tâm Khu Di tích Chiến khu Long Nguyên)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	500	500	0	0	0
54	Xây dựng hoàn chỉnh Khu di tích văn hóa tưởng niệm Khu di tích Chiến khu Long Nguyên	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	1.000	1.000	0	0	0
55	Xây dựng mới thư viện tỉnh	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	500	100		-400	-400
56	Dự án Trưng tu, tôn tạo Di tích Sở Chỉ huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 2: Sửa chữa và trùng bày hình ảnh tư liệu hiện vật; tượng đài trung tâm; xây dựng sa bàn, bệ thờ các Anh hùng liệt sĩ; Phục chế nhà làm việc, sinh hoạt, hiện vật gắn liền của ba đồng chí chỉ huy chiến dịch)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	1.000	500		-500	-500
V KHOA HỌC CÔNG NGHỆ			2	0	200	200	0	200
57	Dự án nâng cao năng lực tạo lập và phát triển nguồn khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Sở Khoa học và Công nghệ	1		100	100		100
58	Dự án nâng cao năng lực kiểm định, thử nghiệm thuộc Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	1		100	100		100
VI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO			4	8.000	8.000	0	0	0
59	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 2: Nhà luyện tập thể dục thể thao đa năng)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	2.000	2.000	0	0	0
60	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 3: Khu dịch vụ)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	2.000	2.000	0	0	0
61	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 1: hạ tầng kỹ thuật đường số 1, số 2, trục đường cảnh quan, sân bãi; Nhà thường trực (3 nhà)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	2.000	2.000	0	0	0
62	Trung tâm huấn luyện thể thao tỉnh Bình Dương (dự án 4: Nhà luyện tập các môn võ thuật, nhà luyện tập các môn khác)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	2.000	2.000	0	0	0
VII CÁC KHOẢN CHI KHÁC THEO QUY ĐỊNH			3	1.500	1.600	100	0	100
63	Xây dựng đường vào Khu di tích lịch sử Sở chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh	UBND huyện DT	1	1.000	1.000	0	0	0
64	Trang thiết bị nội thất cho Trung tâm hoạt động Công đoàn tỉnh BD	Liên đoàn lao động tỉnh	1		100	100		100
65	Xây dựng hàng rào Rừng Kiến An	UBND huyện DT	1	500	500	0	0	0
C QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC QPAN			22	64.520	25.059	18.349	-57.810	-39.461
I HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			3	50.715	4.106	1.301	-47.910	-46.609
66	Trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng		7.500			-7.500	-7.500
67	Trung tâm hành chính huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	8.048	1.500		-6.548	-6.548
68	Khu hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ Trung tâm hành chính tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	305	1.606	1.301		1.301
69	Xây dựng Kho lưu trữ Tỉnh ủy.	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	1.100	1.000		-100	-100
70	Đầu tư Trung tâm điều hành Thành phố thông minh tỉnh Bình Dương giai đoạn 1	Sở Thông tin Truyền thông		33.762			-33.762	-33.762
II QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (QUỐC PHÒNG)			1	305	17.353	17.048	0	17.048
71	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng khu Căn cứ Hữu cần kỹ thuật tại huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	305	17.353	17.048		17.048
III QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (AN NINH)			5	7.000	1.000	0	-6.000	-6.000
72	Triển khai hệ thống camera quan sát an ninh trong thành phố mới Bình Dương và Công thông tin điện tử Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	1	5.000	500		-4.500	-4.500
73	Hệ thống kiểm soát an ninh các Cơ sở giam giữ	Công an tỉnh	1	500	500	0	0	0
74	Hệ thống ghi âm, ghi hình Nhà hội cung các cơ sở giam giữ	Công an tỉnh	1	500			-500	-500
75	Hệ thống xử lý nước thải các cơ sở giam giữ Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	1	500	0		-500	-500
76	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an thị xã Tân Uyên	Công an tỉnh	1	500	0		-500	-500
IV QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY)			13	6.500	2.600	0	-3.900	-3.900
77	Xây dựng Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH trên sông	Công an tỉnh	1	500	100		-400	-400
78	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Vĩnh Hiệp	Công an tỉnh	1	500	0		-500	-500
79	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tam Lập	Công an tỉnh	1	500	0		-500	-500
80	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Thành	Công an tỉnh	1	500	0		-500	-500
81	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội Cảnh sát PCCC&CNCH trên sông	Công an tỉnh	1	500	500	0	0	0
82	Mua sắm trang thiết bị phục vụ ứng cứu sự cố cháy nổ giai đoạn 2	Công an tỉnh	1	500	500	0	0	0
83	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Vĩnh Hiệp	Công an tỉnh	1	500	0		-500	-500

STT		Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020 (QĐ 3855/QĐ-UBND và QĐ 700/QĐ-UBND) của UBND tỉnh	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020	Tăng	Giảm	Chênh lệch
84	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Long An	Công an tỉnh	1	500	0		-500	-500
85	Đầu tư xây dựng hệ thống thông tin và truyền bộ đàm kỹ thuật số UHF phục vụ công tác PCCC & CNCH trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	1	500	500	0	0	0
86	Xây dựng trung tâm giám sát điều hành Camera CAT và Hệ thống camera giám sát cháy, GSAN, vi phạm trật tự ATGT trên địa bàn tỉnh BD	Công an tỉnh	1	500	500	0	0	0
87	Ứng dụng CNTT phục vụ công tác PCCC&CNCH trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	1	500	500	0	0	0
88	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Hiệp An	Công an tỉnh	1	500	0		-500	-500
89	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Thanh Phước	Công an tỉnh	1	500	0		-500	-500



Phụ lục IV

ĐIỀU HÀNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 LẦN 2

SÁCH TẬP TRUNG - THỰC HIỆN DỰ ÁN

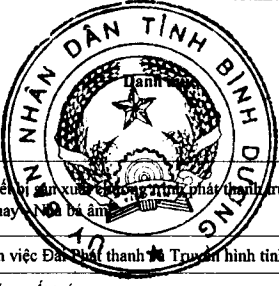
theo Tờ trình số 2953/TT-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020	Tăng	Giảm	Chênh lệch
	TỔNG SỐ (A+B+C)		130	6.295.617	6.554.364	1.187.330	-928.583	258.747
A	HẠ TẦNG KINH TẾ		48	3.643.020	3.685.481	517.845	-475.384	42.461
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		32	2.847.420	2.742.407	328.721	-433.734	-105.013
	Công trình Thiết kế BVTC-TDT		7	772.572	597.152	67.580	-243.000	-175.420
1	Đường trục chính Đồng Tây - Đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp Quốc Lộ 1K	UBND thị xã DT An	1	40.042	40.042		0	0
2	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 2	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	143.000	185.000	42.000		42.000
3	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 2: Xây dựng cầu vượt sông Đồng Nai	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	220.000	71.000		-149.000	-149.000
4	Xây dựng Cầu Đò mới qua sông Thị Tính	UBND thị xã Bến Cát	1	27.400	27.400	0	0	0
5	Đầu tư via hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường Huỳnh Văn Lũy	UBND Tp.Thủ Dầu Một	1	98.375	121.710	23.335		23.335
6	Xây dựng đường và cầu Vàm Tư	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	43.755	46.000	2.245		2.245
7	Xây dựng đường và cầu kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	200.000	106.000		-94.000	-94.000
	Công trình khởi công mới		6	693.860	572.201	47.001	-168.660	-121.659
8	Xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc với quy mô 4 làn xe (GD 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	131.660	113.000		-18.660	-18.660
9	Đầu tư xây dựng các tuyến đường nhánh và cơ sở hạ tầng phụ trợ trong Khu trung tâm hành chính và tái định cư huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	45.000	45.000	0	0	0
10	Xây dựng đường N8-N10 (từ đường Lê Hồng Phong đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	UBND Tp.Thủ Dầu Một	1	57.570	57.669	99		99
11	Xây dựng đường nội bộ Tiểu đoàn 2 - Trung đoàn cảnh sát cơ động 25, xã Phú An, thị xã Bến Cát	UBND thị xã Bến Cát	1	8.630	10.032	1.402		1.402
12	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	51.000	96.500	45.500		45.500
13	Xây dựng đường từ Tân Thành đến cầu Tam Lập (xã Tân Định) thuộc tuyến đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	400.000	250.000		-150.000	-150.000
	Công trình chuyển tiếp		8	826.203	958.948	153.500	-20.753	132.745
14	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường dài liệt sỹ Tân Phước Khánh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	315.823	315.823	0	0	0
15	Đường trục chính trung tâm hành chính và hạ tầng khu tái định cư huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	34.000	34.000	0	0	0
16	Đường Bạch Đằng nối dài, phường Phú Cường	UBND Thành phố Thủ Dầu Một	1	116.755	98.000		-18.755	-18.755
17	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài về hướng khu công nghiệp Mỹ Phước II và III	UBND thị xã Bến Cát	1		36.000	36.000		36.000
18	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Công Xanh	UBND thị xã Tân Uyên	1		500	500		500
19	Đường ĐT744 đoạn từ Km12+000 đến Km32+000	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	25.900	23.000		-2.000	-2.000
20	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Công Xanh (giáp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	23.900	140.000	117.000		117.000
21	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT743 (đoạn từ ngã tư Miếu Ông Cù đến nút giao Sóng Thần)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	311.625	311.625	0	0	0
	Công trình thanh toán khối lượng		7	553.565	588.540	36.075	-1.100	34.975
22	Hệ thống thoát nước trên đường ĐT 744 tại 03 vị trí cấp bách (Km23+733, Km25+399, Km31+508) huyện Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1	1.125	25		-1.100	-1.100
23	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	2.000	12.975	10.975		10.975
24	Bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư công trình đường Mỹ Phước - Tân Vạn	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	500	500	0	0	0
25	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	2.000	14.100	12.100		12.100

STT		Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020	Tăng	Giảm	Chênh lệch
26	Xây dựng đường từ ngã ba trước UBND thị trấn Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	30.000	42.000	12.000		12.000
27	Giải phóng mặt bằng sông rạch tỉnh đường tạo lập Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng đoạn trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	511.940	511.940	0	0	0
28	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Bình Nhâm đến đường Châu Văn Tiếp, thị xã Thuận An, Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	6.000	7.000	1.000		1.000
	Công trình quyết toán		4	1.220	25.566	24.565	-219	24.346
29	Giao lộ ngã tư Phú Thủ Bến Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	200	5.165	4.965		4.965
30	Xây dựng cầu Phú Long, hạng mục: Đường dẫn vào cầu	UBND thị xã Thuận An	1	1.020	801		-219	-219
31	Đường vào Trung tâm Chính trị - Hành chính tập trung tỉnh Bình Dương	UBND Tp.Thủ Dầu Một	1		12.113	12.113		12.113
32	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn - giai đoạn I (Đoạn từ ngã ba Cây Dầu đường Bùi Quốc Khánh - Nguyễn Tri Phương đến cầu Thủ Ngự), phường Chánh Nghĩa	UBND Tp.Thủ Dầu Một	1		7.487	7.487		7.487
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (NÔNG NGHIỆP - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN)		1	48.300	37.975	0	-10.325	-10.325
	Công trình khởi công mới		1	48.300	37.975	0	-10.325	-10.325
33	Trạm chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ngành NN và PTNT	1	48.300	37.975		-10.325	-10.325
III	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		8	324.618	439.840	141.697	-26.475	115.222
	Công trình lập TKBVTC-ĐT		1	1.700	16.700	15.000	0	15.000
34	Xây dựng kè chống sạt lở cũ lao Rùa (Vị trí cũ Rùa)	UBND thị xã Tân Uyên	1	1.700	16.700	15.000		15.000
	Công trình khởi công mới		4	168.615	142.140	0	-26.475	-26.475
35	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Minh Hòa, xã Minh Tân, xã Định An, huyện Dầu Tiếng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	2.265	1.670		-595	-595
36	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	1.125	763		-362	-362
37	Đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc giám sát tự động trực tuyến tại các trạm cấp nước tập trung	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	29.700	29.500		-200	-200
38	Xây dựng cống kiểm soát triều rạch Bình Nhâm	Ban QLDA ngành NN và PTNT	1	135.525	110.207		-25.318	-25.318
	Công trình chuyển tiếp		3	154.303	281.000	126.697	0	126.697
39	Đền bù mở rộng suối Lò Ô thuộc dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	UBND Tx. Dĩ An	1	34.303	138.000	103.697		103.697
40	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	1	70.000	70.000		0	0
41	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	1	50.000	73.000	23.000		23.000
IV	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - CẤP, THOÁT NƯỚC		7	422.682	465.259	47.427	-4.850	42.577
	Công trình chuyển tiếp		2	248.035	287.914	39.879	0	39.879
42	Hệ thống thoát nước bên ngoài các khu công nghiệp An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	1	26.035	65.914	39.879		39.879
43	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp	Ban QLDA ngành NN và PTNT	1	222.000	222.000	0	0	0
	Công trình thanh toán khối lượng		3	159.747	161.145	6.248	-4.850	1.398
44	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đồn	Ban QLDA ngành NN và PTNT	1	12.897	19.145	6.248		6.248
45	Trục thoát nước Suối Giữa, thành phố Thủ Dầu Một	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	1.000	1.000	0	0	0
46	Trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	145.850	141.000		-4.850	-4.850
	Công trình quyết toán		2	14.900	16.200	1.300	0	1.300
47	Nạo vét suối chợ Tân Phước Khánh	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	1	14.900	15.900	1.000		1.000
48	Xây dựng trạm thủy văn trên sông Sài Gòn (Trạm thủy văn cầu Vĩnh Bình - Sài Gòn)	Sở Tài nguyên và Môi trường	1		300	300		300
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI		55	2.133.124	2.214.534	480.751	-399.341	81.410
I	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		18	1.611.339	1.664.555	435.823	-382.607	53.216
	Công trình khởi công mới		3	730.592	381.000	16.000	-365.592	-349.592
49	Cải tạo, sửa chữa khu mổ, X quang, khoa nhi, nhánh A, nhánh B của Bệnh viện đa khoa tỉnh.	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1	30.592	15.000		-15.592	-15.592
50	Tăng cường năng lực phân tích kiểm nghiệm của Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh thuộc Sở Y tế (giai đoạn 2)	Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh	1		16.000	16.000		16.000

STT	Chức năng	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020	Tăng	Giảm	Chênh lệch
51	Thiết bị Bệnh viện chuyên khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	700.000	350.000		-350.000	-350.000
	Công trình khởi công mới		7	861.663	1.234.675	389.027	-16.015	373.012
52	Trung tâm y tế huyện Bầu Bàng (mở 100 giường bệnh)	UBND huyện Bầu Bàng	1	50.000	50.000	0	0	0
53	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Uyên quy mô 200 giường (định hướng 400 giường)	UBND TX Tân Uyên	1	70.000	55.000		-15.000	-15.000
54	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	31.951	48.600	16.649		16.649
55	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	1.700	685		-1.015	-1.015
56	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Vốn NS tỉnh tập trung)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	547.369	702.706	155.337		155.337
57	Xây dựng khối kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc khu quy hoạch chi tiết 1/500 bệnh viện đa khoa 1500 giường và ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	105.850	322.891	217.041		217.041
58	Trạm xử lý nước thải cho các bệnh viện thuộc khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	54.793	54.793	0	0	0
	Công trình quyết toán		8	19.084	48.880	30.796	-1.000	29.796
59	Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi tỉnh Bình Dương (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	225	405	180		180
60	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	Bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng	1	27	27	0	0	0
61	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện chuyên khoa Tâm thần và bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	1.000	0		-1.000	-1.000
62	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ Bệnh viện chuyên khoa Lao, Tâm thần và khu tái định cư	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	500	750	250		250
63	Trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1	400	400	0	0	0
64	Dự án: Mua sắm trang bị máy móc thiết bị cho phòng labo xét nghiệm Huyết học và Hóa sinh - Bệnh viện đa khoa tỉnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1	750	750	0	0	0
65	Thiết bị bệnh viện chuyên khoa tâm thần	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1		353	353		353
66	Các trục giao thông chính thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	16.182	46.195	30.013		30.013
	II SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ		4	798	798	0	0	0
	Công trình quyết toán		4	798	798	0	0	0
67	Dự án: Đầu tư nghề trọng điểm GD 2011-2015 nghề điện dân dụng - cấp độ quốc gia.	Trường CD Việt Nam - Hàn Quốc	1	270	270	0	0	0
68	Đầu tư trang thiết bị Trường Cao đẳng Y tế	Trường Cao đẳng Y tế	1	448	448	0	0	0
69	Sửa chữa Nhà thi đấu đa năng Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore	Trường CDN Việt Nam - Singapore	1	30	30	0	0	0
70	Đầu tư nghề trọng điểm giai đoạn 2011-2015 - nghề người sửa chữa máy công cụ cấp độ quốc gia - Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore	Trường CDN Việt Nam - Singapore	1	50	50	0	0	0
	III CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (CÔNG NGHỆ THÔNG TIN)		7	21.482	37.132	15.650	0	15.650
	Công trình khởi công mới		1	20.250	35.500	15.250	0	15.250
71	Đầu tư trang thiết bị phục vụ cho phòng thí nghiệm, thực hành và nghiên cứu ở Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Điện - Điện tử thuộc Trường Đại học Thủ Dầu Một	Trường Đại học Thủ Dầu Một	1	20.250	35.500	15.250		15.250
	Công trình quyết toán		6	1.232	1.632	400	0	400
72	Đầu tư cho Trung tâm Công nghệ thông tin và truyền thông đổi mới hoạt động dịch vụ, tư vấn phát triển công nghệ thông tin và đảm nhiệm vai trò trung tâm dữ liệu dự phòng	Sở Thông tin truyền thông	1	40	40	0	0	0
73	Ứng dụng CNTT tại bệnh viện đa khoa tỉnh giai đoạn 2	Bệnh viện đa khoa tỉnh	1	100	100	0	0	0
74	Xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp tỉnh Bình Dương	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	330	330	0	0	0
75	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý và các phần mềm chuyên ngành xây dựng giai đoạn 2	Sở Xây dựng	1	292	292	0	0	0
76	Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin Tòa nhà trung tâm hành chính	Sở Thông tin truyền thông	1	30	30	0	0	0
77	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương	Sở Tài nguyên và Môi trường	1	440	840	400		400
	IV SỰ NGHIỆP PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH		5	158.169	175.075	17.906	-1.000	16.906
	Công trình khởi công mới		1	50.000	49.000	0	-1.000	-1.000
78	Xe truyền hình lưu động 6 camera HD	Đài Phát thanh truyền hình	1	50.000	49.000		-1.000	-1.000
	Công trình chuyển tiếp		2	105.894	123.643	17.749	0	17.749

STT		Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020	Tăng	Giảm	Chênh lệch
79	Đầu tư thiết bị sân xuất phát và trung phát thanh truyền hình Trường quay Nhà hát âm	Đài Phát thanh truyền hình	1	53.800	54.172	372		372
80	Trụ sở làm việc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương	Đài Phát thanh truyền hình	1	52.094	69.471	17.377		17.377
	Công trình quyết toán		2	2.275	2.432	157		157
81	Trường quay- nhà bá âm FM Đài phát thanh truyền hình Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	2.275	2.400	125		125
82	Đầu tư trang thiết bị phục vụ Bảo Bình Dương điện tử giai đoạn 3	Bảo Bình Dương	1		32	32		32
VI	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN		16	241.095	237.544	11.372	-14.923	-3.551
	Công trình khởi công mới		4	81.208	91.711	10.503	0	10.503
83	Trung tâm Văn hóa công nhân lao động thị xã Bến Cát	Liên đoàn lao động tỉnh	1	38.490	38.490	0	0	0
84	Trung bày mỹ thuật khu tưởng niệm Chiến khu D	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	20.000	22.000	2.000		2.000
85	Nâng cấp cơ sở vật chất Bảo tàng tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	15.497	24.000	8.503		8.503
86	Dự án Trưng tu, tôn tạo Di tích Sở Chỉ huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 1: Xây dựng hạ tầng toàn khu)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	7.221	7.221	0	0	0
	Công trình chuyển tiếp		3	151.151	140.492	0	-10.659	-10.659
87	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu D	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	145.151	134.492		-10.659	-10.659
88	Trùng tu tôn tạo di tích Nhà tù Phú Lợi	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	5.000	5.000	0	0	0
89	Trung bày mỹ thuật khu Di tích lịch sử Rừng Kiến An	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	1.000	1.000	0	0	0
	Công trình quyết toán		9	8.736	5.341	869	-4.264	-3.395
90	Trung tâm văn hóa thể thao công nhân lao động tỉnh Bình Dương	Liên đoàn Lao động tỉnh	1	3.264	0		-3.264	-3.264
91	Cổng chào tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	1.000			-1.000	-1.000
92	Đoàn Văn Công tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	211	261	50		50
93	Tượng đài chiến thắng Phước Thành	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1		172	172		172
94	Khu Trung tâm quần thể tượng đài thuộc khu Di tích lịch sử địa đạo Tam Giác Sắt	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	1.499	1.499	0	0	0
95	Trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử Đình Phú Long	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1		647	647		647
96	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục của Nhà thiếu nhi (Giai đoạn 1)	Tỉnh đoàn	1	839	839	0	0	0
97	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục của Nhà thiếu nhi (Giai đoạn 2)	Tỉnh đoàn	1	286	286	0	0	0
98	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục Nhà thiếu nhi tỉnh Bình Dương (giai đoạn 3)	Tỉnh đoàn	1	1.637	1.637	0	0	0
VII	SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO		1	1.000	1.000	0	0	0
	Công trình quyết toán		1	1.000	1.000	0	0	0
99	Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1	1.000	1.000	0	0	0
VIII	CHI ĐẢM BẢO XÃ HỘI		4	99.241	98.430	0	-811	-811
	Công trình khởi công mới		1	93.000	93.000	0	0	0
100	Mở rộng Trung tâm Giáo dục Lao động - Tạo việc làm tỉnh Bình Dương; ICCTL: 93.000trđ	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	1	93.000	93.000	0	0	0
	Công trình quyết toán		3	6.241	5.430	0	-811	-811
101	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ giai đoạn 2	Sở LĐTBXH	1	4.517	4.517	0	0	0
102	Trung hỗ trợ Thanh niên công nhân và Lao động trẻ tỉnh Bình Dương	Tỉnh đoàn	1	1.298	487		-811	-811
103	Trung tâm nuôi dưỡng người già tàn tật cô đơn. Hạng mục: Phát sinh hệ thống Phòng cháy chữa cháy	Sở LĐTBXH	1	426	426	0	0	0
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - QPAN		27	519.473	654.349	188.734	-53.858	134.876
I	CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT		5	278.602	380.029	136.381	-34.954	101.427
	Công trình khởi công mới		5	278.602	380.029	136.381	-34.954	101.427
104	Cải tạo tầng P1 và hệ thống chữa cháy tại Tòa nhà Trung tâm Hành chính	Sở Nội vụ	1	29.000	29.071	71		71
105	Đầu tư Trung tâm điều hành Thành phố thông minh tỉnh Bình Dương giai đoạn 1	Sở Thông tin truyền thông	1		33.762	33.762		33.762
106	Trung tâm lưu trữ tập trung tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	150.952	154.000	3.048		3.048
107	Kho lưu trữ Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	98.650	63.696		-34.954	-34.954
108	Trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	1		99.500	99.500		99.500

STT		Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020	Tăng	Giảm	Chênh lệch
II	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (QUỐC PHÒNG)		5	42.700	70.509	27.809	0	27.809
	<i>Công trình khởi công mới</i>		1	7.000	14.000	7.000	0	7.000
109	Xây dựng nhà ăn cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	7.000	14.000	7.000		7.000
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		4	35.700	56.509	20.809	0	20.809
110	Xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh thuộc Trường Quân sự địa phương	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	30.000	47.819	17.819		17.819
111	Ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng của Lực lượng vũ trang tỉnh Bình Dương	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	1	100	100	0	0	0
112	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bàu Bàng	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	1.400	3.625	2.225		2.225
113	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bắc Tân Uyên	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1	4.200	4.965	765		765
III	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (AN NINH)		13	193.896	199.024	23.661	-18.533	5.128
	<i>Công trình khởi công mới</i>		4	146.901	137.794	8.983	-18.090	-9.107
114	Dự án Thiết bị nội thất Nhà làm việc chính Công an tỉnh.	Công an tỉnh	1	43.000	43.000	0	0	0
115	Cơ sở làm việc Công an thành phố Thủ Dầu Một	Công an tỉnh	1	87.870	69.780		-18.090	-18.090
116	Xây dựng văn phòng điện tử tại Công an tỉnh và công an các huyện, thị xã, thành phố	Công an tỉnh	1	4.250	4.427	177		177
117	Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	Công an tỉnh	1	11.781	20.587	8.806		8.806
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		4	44.795	56.800	12.335	-330	12.005
118	Bờ kè chống sạt lở Trại tam giam và Trung tâm Huấn luyện Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	1	3.630	3.300		-330	-330
119	Cơ sở làm việc Công an huyện Bắc Tân Uyên thuộc Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	1	1.000	1.000	0	0	0
120	Nhà làm việc chính Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	1	3.000	9.000	6.000		6.000
121	Nhà khách công vụ công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	1	37.165	43.500	6.335		6.335
	<i>Công trình quyết toán</i>		5	2.200	4.430	2.343	-113	2.230
122	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thị xã Bến Cát	Công an tỉnh	1	500	500	0	0	0
123	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thành phố Thủ Dầu Một	Công an tỉnh	1	500	387		-113	-113
124	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thị xã Thuận An	Công an tỉnh	1	500	2.700	2.200		2.200
125	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an huyện Dầu Tiếng	Công an tỉnh	1	500	643	143		143
126	Trường bắn súng ngắn kết hợp Hội trường 500 chỗ	Công an tỉnh	1	200	200	0	0	0
IV	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI (PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY)		4	4.275	4.787	883	-371	512
	<i>Công trình quyết toán</i>		4	4.275	4.787	883	-371	512
127	Xây dựng trụ sở các đội Cảnh sát PC&CC khu vực: Phường Bình Thắng - Thị xã Dĩ An; KCN VSIP 2 - xã Vĩnh Tân - Thị xã Tân Uyên; KCN Đất Cuốc - Xã Đất Cuốc - huyện Bắc Tân Uyên; Xã Phước Hoà - huyện Phú Giáo; Thị trấn Dầu Tiếng - huyện Dầu Tiếng	Công an tỉnh	1	3.500	3.129		-371	-371
128	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác ứng cứu sự cố cháy nổ	Công an tỉnh	1	775	798	23		23
129	Trụ sở làm việc Công an Phường Chánh Phú Hòa	Công an tỉnh	1		666	666		666
130	Xây dựng Đội cảnh sát PCCC khu vực thuộc Phòng Cảnh sát PC&CC số 1 (Phường Phú Mỹ - Tp Thủ Dầu Một)	Công an tỉnh	1		194	194		194

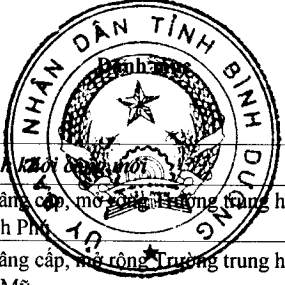


Phụ lục V

CHÍNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 LẦN 2
NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾTtheo Tờ trình số 2953/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020
của UBND tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2	Tăng	Giảm
	TỔNG SỐ		123	1.578.028	1.578.028	244.431	-244.431
	<i>Khối tỉnh</i>		<i>4</i>	<i>127.751</i>	<i>134.358</i>	<i>17.537</i>	<i>-10.930</i>
	<i>Khối huyện</i>		<i>119</i>	<i>1.450.277</i>	<i>1.443.670</i>	<i>226.894</i>	<i>-233.501</i>
A	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		6	119.092	155.799	47.637	-10.930
I	Khối tỉnh		3	106.751	113.358	17.537	-10.930
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		3	106.751	113.358	17.537	-10.930
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>1</i>	<i>93.213</i>	<i>85.280</i>	<i>0</i>	<i>-7.933</i>
1	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Vốn XSKT)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	93.213	85.280		-7.933
	<i>Công trình quyết toán</i>		<i>2</i>	<i>13.538</i>	<i>28.078</i>	<i>17.537</i>	<i>-2.997</i>
2	Khu điều trị 300 giường (Khoa sản) thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	3.367	370		-2.997
3	Đầu tư Thiết bị khoa sản 300 giường Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1	10.171	27.708	17.537	
II	Khối huyện thị		3	12.341	42.441	30.100	0
II.2	HUYỆN BÀU BÀNG		1	10.291	40.291	30.000	0
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>1</i>	<i>10.291</i>	<i>40.291</i>	<i>30.000</i>	<i>0</i>
4	Trung tâm y tế huyện Bầu Bàng - quy mô 100 giường bệnh - Nguồn XSKT	UBND huyện Bầu Bàng	1	10.291	40.291	30.000	
II.3	HUYỆN PHÚ GIÁO		1	2.050	2.050	0	0
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		1	2.050	2.050	0	0
5	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Phú Giáo (quy mô 120 giường bệnh)	UBND huyện Phú Giáo	1	2.050	2.050	0	0
III.4	HUYỆN DẦU TIẾNG		1	0	100	100	0
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		1	0	100	100	0
6	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1		100	100	
B	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ		117	1.458.936	1.422.229	196.794	-233.501
I	Khối tỉnh		1	21.000	21.000	0	0
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		1	21.000	21.000	0	0
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>1</i>	<i>21.000</i>	<i>21.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
7	Nâng cấp, mở rộng trường Trung cấp Kinh tế Bình Dương	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1	21.000	21.000	0	0
II	Khối huyện thị		116	1.437.936	1.401.229	196.794	-233.501
II.1	TP.THỦ DẦU MỘT		19	251.442	300.348	91.181	-41.775
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		7	3.500	3.872	600	-223
8	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Hòa Phú	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	3.500	3.272		-223
9	Nhà thi đấu đa năng Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh Bình Dương	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1		100	100	
10	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THCS Đình Hòa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1		100	100	
11	Xây dựng mới bổ sung Trường THCS Tương Bình Hiệp	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1		100	100	
12	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1		100	100	
13	Xây dựng mới bổ sung Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1		100	100	
14	Nâng cấp cải tạo Trường THCS Chánh Nghĩa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1		100	100	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN	1	12	247.942	296.976	90.581	-41.547

STT		Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2	Tăng	Giảm
	Công trình khởi công mới		6	94.461	181.583	87.239	-117
15	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Bình Phú	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	20.000	41.000	21.000	
16	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông An Mỹ	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	20.000	50.000	30.000	
17	Trường tiểu học Định Hòa 2	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	20.000	45.000	25.000	
18	Trường Mầm non Hòa Mi	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	10.000	18.000	8.000	
19	Cải tạo nhà đa năng, đường nội bộ, phòng học cũ Trường trung học phổ thông Võ Minh Đức	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	11.761	15.000	3.239	
20	Xây dựng mới bổ sung nhà thi đấu thể dục thể thao Trường trung học phổ thông chuyên Hùng Vương	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	12.700	12.583		-117
	Công trình chuyển tiếp		2	148.000	106.570	0	-41.430
21	Trường Tiểu học Phú Lợi 2	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	58.000	37.563		-20.437
22	Trường Trung học cơ sở Phú Hòa 2	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	90.000	69.007		-20.993
	Công trình quyết toán		4	5.481	8.823	3.342	0
23	Trường trung học cơ sở Trần Bình Trọng	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	2.000	2.000	0	0
24	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	518	1.926	1.408	
25	Trường Tiểu học Chánh Nghĩa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	2.000	2.432	432	
26	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	963	2.465	1.502	
II.2	TX. THUẬN AN		17	262.045	261.993	13.837	-13.889
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		7	1.000	1.926	926	0
27	Trường Tiểu học An Phú 2	UBND Tx. Thuận An	1	1.000	1.000	0	0
28	Xây dựng mới bổ sung Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn	UBND Tx. Thuận An	1		176	176	
29	Cải tạo xây dựng bổ sung Trường Trung học phổ thông Trịnh Hoài Đức	UBND Tx. Thuận An	1		150	150	
30	Cải tạo nâng cấp mở rộng Trường THCS Nguyễn Trung Trực	UBND Tx. Thuận An	1		150	150	
31	Cải tạo nâng cấp mở rộng Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	UBND Tx. Thuận An	1		150	150	
32	Trường tiểu học Lái Thiêu 2	UBND Tx. Thuận An	1		150	150	
33	Trường MN Hoa Cúc 2	UBND Tx. Thuận An	1		150	150	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		10	261.045	260.067	12.911	-13.889
	Công trình khởi công mới		3	84.291	92.290	7.999	0
34	Trường TH Bình Chuẩn 2	UBND Tx. Thuận An	1	25.291	33.290	7.999	
35	Trường Mầm non Hoa Mai 2	UBND Tx. Thuận An	1	35.000	35.000	0	0
36	Trường TH An Phú 3	UBND Tx. Thuận An	1	24.000	24.000	0	0
	Công trình chuyển tiếp		3	166.088	164.000	4.912	-7.000
37	Trường Tiểu học An Thạnh	UBND Tx. Thuận An	1	45.000	38.000		-7.000
38	Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn	UBND Tx. Thuận An	1	45.462	46.000	538	
39	Trường Trung học phổ thông Lý Thái Tổ	UBND Tx. Thuận An	1	75.626	80.000	4.374	
	Công trình quyết toán		4	10.666	3.777	0	-6.889
40	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực	UBND Tx. Thuận An	1	4.000	1.000		-3.000
41	Trường Tiểu học Tuy An	UBND Tx. Thuận An	1	4.804	915		-3.889
42	Mở rộng trường Trung học cơ sở Nguyễn Thái Bình	UBND Tx. Thuận An	1	1.362	1.362	0	0
43	Mở rộng trường Trung học cơ sở Trịnh Hoài Đức	UBND Tx. Thuận An	1	500	500	0	0
II.3	TX. DĨ AN		15	307.277	218.080	16.840	-106.037
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		6	8.916	5.267	15	-3.664
44	Trường THCS Tân Đông Hiệp B	UBND Tx. Dĩ An	1	2.900	960		-1.940
45	Trường TH Tân Bình B	UBND Tx. Dĩ An	1	3.116	2.242		-874
46	Trường TH Châu Thới	UBND Tx. Dĩ An	1	2.900	2.050		-850
47	Trường trung học cơ sở Bình Thắng	UBND Tx. Dĩ An	1		5	5	

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2	Tăng	Giảm
48	Xây dựng, bổ sung Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Tx. Dĩ An	1		5	5	
49	Trường tiểu học Nguyễn Huệ - Giai đoạn 2	UBND Tx. Dĩ An	1		5	5	
	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP		9	298.361	212.813	16.825	-102.373
	Công trình chuyển tiếp		7	284.641	206.900	16.825	-94.566
50	Trường Trung học cơ sở Đồng Chiêu	UBND Tx. Dĩ An	1	56.009	0		-56.009
51	Mở rộng trường Trung học cơ sở Đồng Hòa	UBND Tx. Dĩ An	1	27.992	21.800		-6.192
52	Trường trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Tx. Dĩ An	1	37.687	48.600	10.913	
53	Trường Tiểu học Nhị Đồng 2	UBND Tx. Dĩ An	1	52.212	48.500		-3.712
54	Trường Tiểu học Tân Đông Hiệp C	UBND Tx. Dĩ An	1	21.088	27.000	5.912	
55	Trường Tiểu học Đồng Hòa C	UBND Tx. Dĩ An	1	50.089	34.900		-15.189
56	Trường mầm non Đồng Hòa	UBND Tx. Dĩ An	1	39.564	26.100		-13.464
	Công trình quyết toán		2	13.720	5.913	0	-7.807
57	Trường Trung học cơ sở Dĩ An - Giai đoạn 2	UBND Tx. Dĩ An	1	6.215	1.285		-4.930
58	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Dĩ An B	UBND Tx. Dĩ An	1	7.505	4.628		-2.877
II.4	TX. BẾN CÁT		10	158.904	124.463	50	-34.491
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		3	2.650	2.700	50	0
59	Trường THCS Hòa Lợi.	UBND Tx. Bến Cát	1	1.150	1.200	50	
60	Trường THCS Mỹ Thạnh.	UBND Tx. Bến Cát	1	1.000	1.000	0	0
61	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng trường THPT Tây Nam	UBND Tx. Bến Cát	1	500	500	0	0
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		7	156.254	121.763	0	-34.491
	Công trình lập TKBVTC-TDT		1	16.000	13.400	0	-2.600
62	Trường tiểu học An Tây B (giai đoạn 2)	UBND Tx. Bến Cát	1	16.000	13.400		-2.600
	Công trình khởi công mới		3	108.640	78.251	0	-30.389
63	Trường Tiểu học Hòa Lợi	UBND Tx. Bến Cát	1	58.270	40.507		-17.763
64	Trường THCS An Điền (GD 2)	UBND Tx. Bến Cát	1	25.370	20.700		-4.670
65	Xây dựng, bổ sung khối phòng học Trường THPT Bến Cát.	UBND Tx. Bến Cát	1	25.000	17.044		-7.956
	Công trình chuyển tiếp		2	30.924	29.600	0	-1.324
66	Trường tiểu học Định Phước	UBND Tx. Bến Cát	1	12.838	12.400		-438
67	Trường tiểu học An Tây B (giai đoạn 1)	UBND Tx. Bến Cát	1	18.086	17.200		-886
	Công trình quyết toán		1	690	512	0	-178
68	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Tx. Bến Cát	1	690	512		-178
II.5	TX. TÂN UYÊN		13	72.412	89.785	30.055	-12.682
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		13	72.412	89.785	30.055	-12.682
	Công trình lập TKBVTC-DT		2	1.500	944	0	-556
69	Trường TH Tân Phước Khánh B	UBND TX Tân Uyên	1	1.000	532		-468
70	Cải tạo nâng cấp mở rộng trường THPT Tân Phước Khánh	UBND TX Tân Uyên	1	500	412		-88
	Công trình khởi công mới		4	41.937	59.757	27.420	-9.600
71	Trường trung học phổ thông Thái Hòa	UBND Tx. Tân Uyên	1	9.000	31.089	22.089	
72	Trường mầm non Thạnh Phước	UBND TX Tân Uyên	1	10.937	16.268	5.331	
73	Trường THCS Vĩnh Tân	UBND TX Tân Uyên	1	11.000	6.200		-4.800
74	Trường TH Khánh Bình	UBND TX Tân Uyên	1	11.000	6.200		-4.800
	Công trình chuyển tiếp		1	10.000	12.616	2.616	0
75	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	UBND Tx. Tân Uyên	1	10.000	12.616	2.616	
	Công trình quyết toán		6	18.975	16.468	19	-2.526
76	Trường Mầm non Thạnh Hội	UBND Tx. Tân Uyên	1	1.800	1.632		-168
77	Trường Trung học cơ sở Phú Chánh	UBND Tx. Tân Uyên	1	2.175	1.686		-489

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2	Tăng	Giảm
78	Trường Tiểu học Tân Hòa B	UBND Tx. Tân Uyên	1	5.000	5.000	0	0
79	Trường Tiểu học cơ sở Chánh Bình	UBND Tx. Tân Uyên	1	5.000	4.106		-894
80	Trường Trung học cơ sở Tân Hiệp	UBND Tx. Tân Uyên	1	5.000	4.025		-975
81	Trường tiểu học Hội Nghĩa	UBND Tx. Tân Uyên	1		19	19	
II.6	HUYỆN DẦU TIẾNG		12	129.509	135.035	22.506	-16.980
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		3	1.000	1.100	100	0
82	Trường tiểu học Minh Tân	UBND huyện Dầu Tiếng	1	1.000	1.000	0	0
83	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Thanh Tuyền	UBND huyện Dầu Tiếng	1		50	50	
84	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Long Tân	UBND huyện Dầu Tiếng	1		50	50	
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		9	128.509	133.935	22.406	-16.980
	Công trình TK BVTC-DT		1	300	1.100	800	0
85	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Long Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	1	300	1.100	800	
	<i>Công trình khởi công mới</i>		3	26.800	42.102	15.302	0
86	Trường THCS Định Hiệp (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	1.500	11.000	9.500	
87	Xây dựng nhà tập đa năng Trường Trung học phổ thông Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1	300	6.102	5.802	
88	Trường THPT Long Hòa (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	25.000	25.000	0	0
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		4	100.996	90.078	6.062	-16.980
89	Trường Trung học cơ sở An Lập (giai đoạn 1)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	25.462	19.796		-5.666
90	Trường trung học cơ sở Minh Tân (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	29.740	32.719	2.979	
91	Trường Tiểu học Định An (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	35.277	23.963		-11.314
92	Trường Tiểu học Minh Thạnh (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	10.517	13.600	3.083	
	<i>Công trình quyết toán</i>		1	413	655	242	
93	Trường THCS Minh Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	1	413	655	242	
II.7	HUYỆN PHÚ GIÁO		10	55.750	73.260	20.335	-2.825
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		4	700	700	0	0
94	Trường mầm non An Thái	UBND huyện Phú Giáo	1	100	100	0	0
95	Xây dựng bổ sung Trường tiểu học Phước Sang	UBND huyện Phú Giáo	1	200	200	0	0
96	Xây dựng bổ sung Trường tiểu học An Long	UBND huyện Phú Giáo	1	200	200	0	0
97	Xây dựng bổ sung Trường tiểu học Tân Hiệp	UBND huyện Phú Giáo	1	200	200	0	0
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		6	55.050	72.560	20.335	-2.825
	<i>Thiết kế BVTC-DT</i>		1	1.000	1.000	0	0
98	Trường THCS tạo nguồn huyện Phú Giáo (Trường THCS Nguyễn Trãi)	UBND huyện Phú Giáo	1	1.000	1.000	0	0
	<i>Công trình khởi công mới</i>		2	34.400	54.735	20.335	0
99	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Phước Hòa	UBND huyện Phú Giáo	1	14.400	14.735	335	
100	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Vĩnh Hòa	UBND huyện Phú Giáo	1	20.000	40.000	20.000	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		1	14.755	12.497	0	-2.258
101	Trường tiểu học An Thái (giai đoạn 2)	UBND huyện Phú Giáo	1	14.755	12.497		-2.258
	<i>Công trình quyết toán</i>		2	4.895	4.328	0	-567
102	Trường tiểu học An Linh	UBND huyện Phú Giáo	1	1.852	1.715		-137
103	Trường Tiểu học Phước Vĩnh B	UBND huyện Phú Giáo	1	3.043	2.613		-430
II.8	HUYỆN BÀU BÀNG		11	86.412	83.580	1.990	-4.822
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		7	6.412	2.800	1.000	-4.612
104	XD bổ sung phòng học Trường THPT Bầu Bàng	UBND huyện Bầu Bàng	1	1.000	700		-300
105	XD bổ sung phòng học Trường TH Tân Hưng	UBND huyện Bầu Bàng	1	1.000	0		-1.000

STT	Đánh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2	Tăng	Giảm
106	Cải tạo Nhà MR trường THCS Lai Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	1	1.000	600		-400
107	Xây dựng phòng học Trường tiểu học Kim Đồng	UBND huyện Bàu Bàng	1	3.112	400		-2.712
108	Cải tạo nâng cấp, mở rộng Trường Trung học cơ sở Lai Uyên	UBND huyện Bàu Bàng	1	100	1.100	1.000	
109	Trường mầm non Hưng Hòa	UBND huyện Bàu Bàng	1	100			-100
110	Trường mầm non Tân Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	1	100			-100
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		4	80.000	80.780	990	-210
	<i>Công trình khởi công mới</i>		2	75.000	75.661	661	0
111	Trường tiểu học Trừ Văn Thố	UBND huyện Bàu Bàng	1	40.000	40.661	661	
112	Trường trung học cơ sở Cây Trường	UBND huyện Bàu Bàng	1	35.000	35.000	0	0
	<i>Công trình quyết toán</i>		2	5.000	5.119	329	-210
113	Trường Tiểu học Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	1	2.000	1.790		-210
114	Trường trung học cơ sở Trừ Văn Thố	UBND huyện Bàu Bàng	1	3.000	3.329	329	
II.9	HUYỆN BẮC TÂN UYÊN		9	114.185	114.185	0	0
	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ		1	500	500	0	0
115	Trường Mầm non Sơn Ca	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	500	500	0	0
	THỰC HIỆN DỰ ÁN		8	113.685	113.685	0	0
	<i>Công trình khởi công mới</i>		4	51.000	51.000	0	0
116	Trường Trung học cơ sở Tân Mỹ giai đoạn 2	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	12.000	12.000	0	0
117	Trường tiểu học Đất Cuốc (Xây dựng bổ sung 9 phòng học)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	10.000	10.000	0	0
118	Trường THPT Tân Bình	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	22.000	22.000	0	0
119	Trường mầm non Hoa Cúc (Xây dựng bổ sung 6 phòng học)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	7.000	7.000	0	0
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		3	60.438	60.438	0	0
120	Trường Mầm non Hoa Phong Lan	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	19.000	19.000	0	0
121	Trường Mầm non Tân Mỹ	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	13.000	13.000	0	0
122	Trường trung học phổ thông Lê Lợi	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	28.438	28.438	0	0
	<i>Công trình quyết toán</i>		1	2.247	2.247	0	0
123	Trường Tiểu học Tân Thành	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	2.247	2.247	0	0



Phụ lục VI

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 LẦN 2

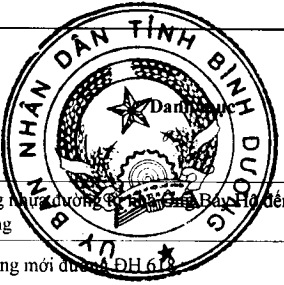
VỐN TỈNH HỖ TRỢ CHO CẤP HUYỆN

(Kế hoạch được điều chỉnh theo Quyết định số 2953/TT-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2	Tăng	Giảm	Chênh lệch
	VỐN TỈNH HỖ TRỢ CHO CẤP HUYỆN		58	1.240.415	1.308.135	329.470	-261.750	67.720
I	Thành phố Thủ Dầu Một		14	563.800	588.345	242.872	-218.327	24.545
II.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		13	561.800	586.345	242.872	-218.327	24.545
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>		<i>1</i>	<i>1.900</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>-1.900</i>	<i>-1.900</i>
1	Xây dựng đường trục chính Đông Tây	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	1.900			-1.900	-1.900
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>4</i>	<i>392.000</i>	<i>215.000</i>	<i>0</i>	<i>-177.000</i>	<i>-177.000</i>
2	Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX 144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	100.000	70.000		-30.000	-30.000
3	Mở mới đường để bao bọc rạch Bà Cỏ; CCTL: 110.000 trđ.	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	110.000	10.000		-100.000	-100.000
4	Mở mới đường Tạo lực 6 nối dài; CCTL: 100.000 trđ.	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	117.000	70.000		-47.000	-47.000
5	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến đường Đồng Cây Viêt (đường Liên khu 1-5); CCTL: 62.000 trđ.	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	65.000	65.000	0	0	0
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>3</i>	<i>57.900</i>	<i>29.730</i>	<i>5.830</i>	<i>-34.000</i>	<i>-28.170</i>
6	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ cầu Thủ Ngự đến cầu Thầy Năng), phường Chánh Nghĩa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	44.000	10.000		-34.000	-34.000
7	Đường Trần Văn Ôn	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	10.000	10.365	365		365
8	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Ngọc Lên (từ ĐLBD đến đường Huỳnh Văn Lũy)	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	3.900	9.365	5.465		5.465
	<i>Thanh toán khối lượng</i>		<i>4</i>	<i>107.000</i>	<i>339.883</i>	<i>237.042</i>	<i>-4.159</i>	<i>232.883</i>
9	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	95.000	331.408	236.408		236.408
10	Đường Hoàng Hoa Thám II	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	2.000	2.634	634		634
11	Mở rộng vỉa hè đường Bạch Đằng (đoạn từ ngã ba đường Ngô Quyền đến đường Định Bộ Lĩnh)	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	5.000	841		-4.159	-4.159
12	Đường Trần Ngọc Lên - ĐL Bình Dương - đường Bùi Ngọc Thu (Đường tổ 7 ấp 1, phường Định Hòa)	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	5.000	5.000	0	0	0
	<i>Công trình quyết toán</i>		<i>1</i>	<i>3.000</i>	<i>1.732</i>	<i>0</i>	<i>-1.268</i>	<i>-1.268</i>
13	Đường mở mới từ đường CMT8 đến đường Nguyễn Tri Phương (đường tổ 36, khu 5, phường Chánh Nghĩa)	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	3.000	1.732		-1.268	-1.268
L3	QUỐC PHÒNG, AN NINH, TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI		1	2.000	2.000	0	0	0
	<i>Công trình quyết toán</i>		<i>1</i>	<i>2.000</i>	<i>2.000</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
14	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy quân sự Tp. TDM	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	2.000	2.000	0	0	0
II	Thị xã Thuận An		6	74.000	93.177	25.177	-6.000	19.177
II.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		2	15.000	33.300	18.300	0	18.300
	<i>Chuẩn bị đầu tư</i>		<i>1</i>	<i>0</i>	<i>100</i>	<i>100</i>	<i>0</i>	<i>100</i>
15	Nâng cấp, cải tạo đường Bùi Hữu Nghĩa	UBND Tx. Thuận An	1		100	100		100
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>1</i>	<i>15.000</i>	<i>33.200</i>	<i>13.200</i>	<i>0</i>	<i>13.200</i>
16	Cải tạo, nâng cấp đường Bùi Thị Xuân (đoạn từ đường Mỹ Phước - Tân Vạn đến ranh Thái Hòa - Tân Uyên)	UBND Tx. Thuận An	1	15.000	33.200	13.200		13.200
II.2	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ		4	59.000	59.877	6.877	-6.000	877
	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>2</i>	<i>37.000</i>	<i>31.000</i>	<i>0</i>	<i>-6.000</i>	<i>-6.000</i>
17	Trường TH Lê Thị Trung	UBND Tx. Thuận An	1	25.000	19.000		-6.000	-6.000
18	Trường Tiểu học Vĩnh Phú	UBND Tx. Thuận An	1	12.000	12.000	0	0	0
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>2</i>	<i>22.000</i>	<i>28.877</i>	<i>6.877</i>	<i>0</i>	<i>6.877</i>
19	Trường THPT Trịnh Hoài Đức (cải tạo, nâng cấp, mở rộng phục vụ đề án trường THPT tỉnh Bình Dương Trịnh Hoài Đức chất lượng cao)	UBND Tx. Thuận An	1	15.000	15.561	561		561
20	Trường mầm non Hoa Mai 3	UBND Tx. Thuận An	1	7.000	13.316	6.316		6.316
III	Thị xã Di An		3	84.000	80.500	0	-3.500	-3.500
III.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		2	78.000	74.500	0	-3.500	-3.500

STT	CHỦ ĐẦU TƯ	SỐ DỰ ÁN	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 2020	DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 2020 LẦN 2	TĂNG	GIẢM	CHÉNH LỆCH
	CHỦ ĐẦU TƯ	1	500	500	0	0	0
21	Nâng cấp, mở rộng đường 30 (thông)	1	500	500	0	0	0
	Công trình khởi công mới	1	77.500	74.000	0	-3.500	-3.500
22	Nâng cấp, mở rộng đường Chiêu Liêu	1	77.500	74.000		-3.500	-3.500
III.2	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN	1	6.000	6.000	0	0	0
	Công trình chuyển tiếp	1	6.000	6.000	0	0	0
23	Khu di tích Cách mạng & sinh thái Hồ lang - giai đoạn I	1	6.000	6.000	0	0	0
IV	Thị xã Tân Uyên	6	66.084	44.763	652	-21.973	-21.321
IV.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	6	66.084	44.763	652	-21.973	-21.321
	Chuẩn bị đầu tư	1	1.200	1.700	500	0	500
24	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 402, phường Tân Phước Khánh	1	1.200	1.700	500		500
	Công trình chuyển tiếp	3	64.884	42.911	0	-21.973	-21.973
25	Nâng cấp mặt đường ĐH 406 (đoạn từ cây xăng An Lộc đến ngã tư Xã Cũ), phường Khánh Bình	1	7.186	7.186	0	0	0
26	Nâng cấp mặt đường ĐH 406 (đoạn từ ngã tư Xã Cũ đến cầu Khánh Vãn), phường Khánh Bình	1	27.698	27.698	0	0	0
27	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 423 (đoạn từ ngã tư đường ĐH 409 đến giáp đường ĐT 747A)	1	30.000	8.027		-21.973	-21.973
	Quyết toán công trình	2	0	152	152	0	152
28	Nâng số hộ sử dụng điện trên địa bàn thị xã Tân Uyên các xã, phường: Thanh hội, Bạch Đằng, Phú Chánh, Vĩnh Tân, Tân Hiệp	1		83	83		83
29	Nâng số hộ sử dụng điện trên địa bàn thị xã Tân Uyên các xã, phường: Khánh Bình, Tân Vĩnh Hiệp, Uyên Hưng, Tân Phước Khánh, Thái Hòa	1		69	69		69
V	Huyện Bắc Tân Uyên	3	111.000	131.000	20.000	0	20.000
V.1	SỰ NGHIỆP Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	1	96.000	96.000	0	0	0
	Công trình chuyển tiếp	1	96.000	96.000	0	0	0
30	Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên quy mô 100 giường bệnh - Giai đoạn I: 60 giường	1	96.000	96.000	0	0	0
V.2	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ ĐÀO NGHỀ	1	12.000	32.000	20.000	0	20.000
	Công trình khởi công mới	1	12.000	32.000	20.000	0	20.000
31	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Bắc Tân Uyên	1	12.000	32.000	20.000		20.000
V.3	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN	1	3.000	3.000	0	0	0
	Công trình chuyển tiếp	1	3.000	3.000	0	0	0
32	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Bắc Tân Uyên	1	3.000	3.000	0	0	0
VI	Thị xã Bến Cát	6	118.752	119.611	10.859	-10.000	859
VI.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	3	54.077	64.936	10.859	0	10.859
	Công trình khởi công mới	1	48.895	59.754	10.859	0	10.859
33	Nâng cấp, mở rộng đường từ Kho bạc Bến Cát đến Cầu Quan	1	48.895	59.754	10.859		10.859
	Công trình chuyển tiếp	1	5.089	5.089	0	0	0
34	Đường gò Cáo Cáo	1	5.089	5.089	0	0	0
	Công trình quyết toán	1	93	93	0	0	0
35	Nâng cấp mặt đường, cải tạo vỉa hè, HTCS tuyến đường từ ngã 3 vật tư đến ngã 4 Tân Dù	1	93	93	0	0	0
VI.2	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (NÔNG NGHIỆP-PTNT)	1	29.385	29.385	0	0	0
	Công trình khởi công mới	1	29.385	29.385	0	0	0
36	Khai thông uốn nắn dòng chảy đoạn hạ lưu rạch Cầu Quan đến sông Thị Tinh	1	29.385	29.385	0	0	0
VI.3	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN	2	35.290	25.290	0	-10.000	-10.000
	Công trình khởi công mới	1	33.732	23.732	0	-10.000	-10.000
37	Xây dựng Công viên dọc sông Thị Tinh (đoạn qua chợ Bến Cát)	1	33.732	23.732		-10.000	-10.000
	Công trình chuyển tiếp	1	1.558	1.558	0	0	0
38	Xây dựng tượng đài thị xã Bến Cát	1	1.558	1.558	0	0	0
VII	Huyện Bàu Bàng	5	52.000	50.291	241	-1.950	-1.709
VII.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)	4	51.500	50.087	241	-1.654	-1.413
	Chuẩn bị đầu tư	1	3.000	2.221	0	-779	-779
39	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 610 xã Long Nguyên	1	3.000	2.221		-779	-779
	Công trình khởi công mới	2	48.500	47.625	0	-875	-875

STT		Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2	Tăng	Giảm	Chênh lệch
40	Bê tông nhựa đường từ nhà Bàu Bàng đến nhà Bà Suối xã Lai Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	1	1.000	125		-875	-875
41	Xây dựng mới đường ĐH 67	UBND huyện Bàu Bàng	1	47.500	47.500	0	0	0
	Thanh toán khối lượng		1	0	241	241	0	241
42	Bê tông nhựa đường liên ấp 16B xã Cây Trường II	UBND huyện Bàu Bàng	1		241	241		241
VII.2	SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THÔNG TIN		1	500	204	0	-296	-296
	Công trình chuyển tiếp		1	500	204	0	-296	-296
43	Trung tâm văn hóa - thể thao huyện	UBND huyện Bàu Bàng	1	500	204		-296	-296
VIII	Huyện Phú Giáo		9	148.026	153.570	5.544	0	5.544
VIII.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		9	148.026	153.570	5.544	0	5.544
	Công trình khởi công mới		5	121.487	124.719	3.232	0	3.232
44	Nâng cấp đường Công Triết	UBND huyện Phú Giáo	1	20.964	20.964	0	0	0
45	Nâng cấp Đường ĐH 515	UBND huyện Phú Giáo	1	13.953	17.185	3.232		3.232
46	Đầu tư xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài	UBND huyện Phú Giáo	1	20.755	20.755	0	0	0
47	Đầu tư xây dựng đường Trần Quang Diệu nối dài	UBND huyện Phú Giáo	1	25.815	25.815	0	0	0
48	Nâng cấp mở rộng đường ĐH 507 (từ đường ĐT 741 đi trại giam An Phước)	UBND huyện Phú Giáo	1	40.000	40.000	0	0	0
	Công trình chuyển tiếp		4	26.539	28.851	2.312	0	2.312
49	Đường ĐH 512 (Đường Kiểm)	UBND huyện Phú Giáo	1	15.181	17.450	2.269		2.269
50	Bồi thường giải tỏa khu đất giao Trung đoàn 271	UBND huyện Phú Giáo	1		10	10		10
51	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 519	UBND huyện Phú Giáo	1	9.500	9.500	0	0	0
52	Đầu tư nâng cấp đường 19/5	UBND huyện Phú Giáo	1	1.858	1.891	33		33
IX	Huyện Dầu Tiếng		6	22.753	46.878	24.125	0	24.125
IX.1	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ (GIAO THÔNG)		6	22.753	46.878	24.125	0	24.125
	Chuẩn bị đầu tư		3	0	400	400	0	400
53	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 (đoạn từ Trường THPT Phan Bội Châu đến ngã tư Minh Hòa)	UBND huyện Dầu Tiếng	1		100	100		100
54	Nâng cấp các tuyến đường còn lại trong khu trung tâm văn hóa thể thao huyện	UBND huyện Dầu Tiếng	1		100	100		100
55	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 (từ Thanh An đến Định Hiệp giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	1		200	200		200
	Công trình khởi công mới		2	19.652	39.652	20.000	0	20.000
56	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 704 từ Thanh An, Định Hiệp đến Minh Hòa giai đoạn 2 (đoạn qua xã Định An)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	6.432	6.432	0	0	0
57	Nâng cấp nhựa đường ĐH 721 (từ ĐT 749a đến ĐT 750)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	13.220	33.220	20.000		20.000
	Công trình chuyển tiếp		1	3.101	6.826	3.725	0	3.725
58	Mở rộng đường từ trước Huyện ủy - UBND huyện đến đường Cách mạng tháng 8	UBND huyện Dầu Tiếng	1	3.101	6.826	3.725		3.725



Phụ lục VII

PHỤ LỤC VII KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 LẦN 2
NGUỒN VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)

(Kèm theo Tờ trình số 2953/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020
của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2
	TỔNG SỐ	2	505.200	505.200
	Ngành Cấp thoát nước - Môi trường	2	156.580	262.580
1	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương - Giai đoạn II	1	105.750	211.750
2	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	1	50.830	50.830
	Chưa phân bổ		348.620	242.620



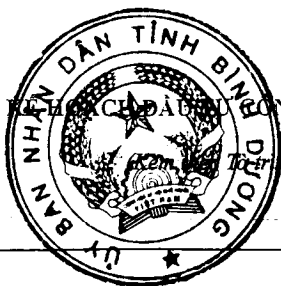
Phụ lục VIII

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 LẦN 2
QUẢN LÝ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ

(Kèm theo Tờ trình số 2953/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020
của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2
	TỔNG SỐ	2	41.100	41.100
I	VỐN ĐẦU TƯ THEO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	2	41.100	41.100
	Các hoạt động kinh tế (Giao thông)	2	41.100	41.100
1	Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài	1	11.760	11.760
2	Dự án xây dựng đường Bắc Nam 3	1	29.340	29.340

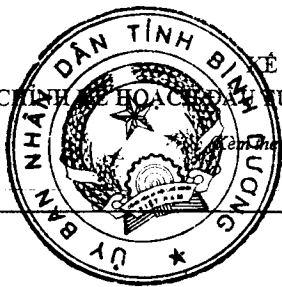


Phụ lục IX
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 LẦN 2 - NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tờ trình số 2953/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020
của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2
	TỔNG SỐ(*)	616.000	616.000
	Phân bổ dự án	273.457	273.457
1	Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương - Giai đoạn II	147.000	147.000
2	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	126.457	126.457
	Chưa phân bổ	342.543	342.543



Phụ lục X
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 2020 LẦN 2 NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2019
(Theo Tờ trình số 2953/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Kế hoạch đầu tư công 2020	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2	Chênh lệch
	TỔNG SỐ (A+B)		20	1.099.664	1.099.664	0
A	VỐN TỈNH TẬP TRUNG (I+II)		5	365.000	365.000	0
I	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI		1	93.000	93.000	0
1	Mở rộng Trung tâm giáo dục lao động - Tạo việc làm tỉnh Bình Dương	Sở Lao động - TB và Xã hội	1	93.000	93.000	0
II	VỐN TỈNH HỖ TRỢ CẤP HUYỆN		4	272.000	272.000	-127.000
2	Mở mới đường đê bao dọc rạch Bà Cỏ	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	110.000	10.000	-100.000
3	Mở mới đường Tạo lực 6 nối dài	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	100.000	70.000	-30.000
4	Đường từ Huỳnh Văn Lũy đến đường Đồng Cây Việt (đường Liên khu 1-5), phường Phú Mỹ	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	62.000	65.000	3.000
5	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1		127.000	
B	VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN (I+II+...+VIII)		15	734.664	734.664	0
I	THỦ DẦU MỘT		2	90.000	90.000	0
6	Xây dựng THCS Tương Bình Hiệp (cơ sở cũ) - tiểu học Kim Đồng, phường Hiệp An	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	45.000	45.000	0
7	Xây dựng TH Tương Bình Hiệp (cơ sở cũ) - mầm non Hoa Sen, phường Tương Bình Hiệp	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	45.000	45.000	0
II	THUẬN AN		4	265.500	266.000	-49.500
8	Xây dựng đường vào khu Trung tâm chính trị - hành chính thị xã Thuận An	UBND Tx. Thuận An	1	59.500	40.000	-19.500
9	Xây dựng mới đường Hưng Định 15, phường Hưng Định, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	UBND Tx. Thuận An	1	170.000	140.000	-30.000
10	Xây dựng mới tuyến đường An Thạnh 63-64 (Đoạn từ đường Thủ Khoa Huân đến đường Hồ Văn Mên)	UBND Tx. Thuận An	1		50.000	
11	Trường Mầm non Hoa Cúc 10	UBND Tx. Thuận An	1	36.000	36.000	0
III	DĨ AN		1	85.000	85.000	0
12	Xây dựng đường từ đường Trần Hưng Đạo đi đường Võ Thị Sáu	UBND Tx Dĩ An	1	85.000	85.000	0
IV	TÂN UYÊN		2	117.000	117.000	0
13	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 425	UBND Tx Tân Uyên	1	100.000	100.000	0
14	Xây dựng Hội trường Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã Tân Uyên	UBND Tx Tân Uyên	1	17.000	17.000	0
V	BẮC TÂN UYÊN		1	13.500	13.500	0
15	Xây dựng Đài tưởng niệm Liệt sỹ huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	13.500	13.500	0
VI	BẾN CÁT		1	43.000	43.000	0
16	Trường Tiểu học Mỹ Phước II	UBND Tx Bến Cát	1	43.000	43.000	0
VII	PHÚ GIÁO		2	64.500	49.993	-14.507
17	Nâng cấp đường ĐH 516 (đường Tân Long - An Long)	UBND huyện Phú Giáo	1	32.500	27.813	-4.687
18	Nâng cấp đường ĐH 502 (từ ngã 3 cây khô đến cầu Vàm Vá 2)	UBND huyện Phú Giáo	1	32.000	22.180	-9.820
VIII	DẦU TIẾNG		2	56.164	70.171	14.007
19	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Minh Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	1	49.712	63.719	14.007
20	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Bến Súc (Tuyến đường N1, N2, N3, N4)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	6.452	6.452	0



Phụ lục XI

HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 2020 LẦN 2
NGUỒN VỐN KHÁC

Kèm theo Tờ trình số 1953/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch điều chỉnh ĐTC trung hạn	Dự kiến điều chỉnh KH 2020 lần 2
	TỔNG SỐ		4.240.000	1.523.271
I	HẠ TẦNG KINH TẾ		2.379.554	1.059.714
1	Giải phóng mặt bằng công trình đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, dự án trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng, huyện Bắc Tân Uyên	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	891.573	279.073
2	Xây dựng đường từ Tân Thành đến cầu Tam Lập (xã Tân Định) thuộc tuyến Tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Bắc Tân Uyên	250.117	250.117
3	Xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc với quy mô 4 làn xe (Giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	230.828	107.488
4	Giải phóng mặt bằng cho dự án cải tạo, mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ cầu Ông Bó đến nút giao Hữu Nghị	UBND thị xã Thuận An	500	500
5	Giải phóng mặt bằng cho dự án cải tạo, mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ nút Tự Do đến ngã tư Lê Hồng Phong	UBND thị xã Thuận An	300.000	300.000
6	Giải phóng mặt bằng cho dự án cải tạo, mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ cổng chào Vĩnh Phú đến cầu Ông Bó	UBND thị xã Thuận An	500	500
7	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	98.537	14.537
8	Xây dựng đường và cầu kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	107.499	107.499
II	HẠ TẦNG VĂN HÓA XÃ HỘI		733.914	463.557
9	Khởi kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	325.928	91.778
10	Trạm xử lý nước thải cho các bệnh viện thuộc khu quy hoạch các Bệnh viện và một số công trình Nhà nước. (gđ 1)	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	55.795	19.588
11	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD Bình Dương	352.191	352.191



Phụ lục XII
DANH MỤC DỰ ÁN VỐN TỈNH SỬ DỤNG CÓ MỤC TIÊU CHO CẤP HUYỆN TỪ NGUỒN VỐN KẾT DƯ NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 2953/TT-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2
	TỔNG SỐ		66	1.190.841
I	THỦ DẦU MỘT		1	576.535
1	Đường Bùi Ngọc Thu	UBND Tp. Thủ Dầu Một	1	576.535
II	THUẬN AN		5	210.000
2	Xây dựng mới đường An Thạnh 24 (Đoạn từ đường Hương lộ 9 đến giáp ranh phường Phú Thọ)	UBND Tx. Thuận An	1	80.000
3	Xây dựng mới đường Nguyễn Chí Thanh nối dài	UBND Tx. Thuận An	1	25.000
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường D2; N9 khu dân cư Thuận Giao	UBND Tx. Thuận An	1	25.000
5	Khu trung tâm văn hóa thể dục thể thao thị xã Thuận An (Khu chùa Thiên Phước)	UBND Tx. Thuận An	1	30.000
6	Nâng cấp, mở rộng đường Trịnh Hoài Đức	UBND Tx. Thuận An	1	50.000
IV	TÂN UYÊN		25	100.000
7	Xây dựng bến xe khách Tân Uyên (dự án đầu tư)	UBND Tx Tân Uyên	1	7.000
8	Cải tạo, mở rộng Công viên Trung tâm Văn hóa thị xã Tân Uyên	UBND Tx Tân Uyên	1	9.500
9	Nâng cấp BTNN tuyến đường tổ 3, khu phố 6, phường Uyên Hưng	UBND Tx Tân Uyên	1	5.500
10	Bê tông nhựa đường GTĐT đổi 16 (đoạn từ nhà bà Võ Thị Sửu đến nhà ông Trương Văn Mai), khu phố Cây Chàm, phường Thanh Phước	UBND Tx Tân Uyên	1	2.500
11	Xây dựng lưới điện phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Tân Vĩnh Hiệp	UBND Tx Tân Uyên	1	1.800
12	Nhà tang lễ thị xã Tân Uyên	UBND Tx Tân Uyên	1	7.000
13	Xây dựng đồn công an khu công nghiệp Nam Tân Uyên	UBND Tx Tân Uyên	1	2.200
14	Nâng cấp mở rộng đường ĐĐT.Tân Phước Khánh 07 Ngã tư nhà ông phạm Hồng Công KP Khánh Hội đến ngã ba công ty Khánh Hội	UBND Tx Tân Uyên	1	3.800
15	Nâng cấp BTNN đường ĐĐT.Tân Phước Khánh 09	UBND Tx Tân Uyên	1	2.100
16	Xây dựng các tuyến đường khu phố 3, phường Uyên Hưng	UBND Tx Tân Uyên	1	2.000
17	Xây dựng Mặt trận và Khối Đoàn thể phường Tân Phước Khánh	UBND Tx Tân Uyên	1	1.500
18	Xây dựng trụ sở làm việc Ủy ban mặt trận tổ quốc và Khối Đoàn thể thị xã Tân Uyên (kể cả gói TB1 1.500)	UBND Tx Tân Uyên	1	1.500
19	Cổng chào thị xã Tân Uyên	UBND Tx Tân Uyên	1	2.500
20	Đầu tư xây dựng nâng cấp các tuyến điện phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Bạch Đằng và Thanh Hội	UBND Tx Tân Uyên	1	2.000
21	Nâng cấp BTN tuyến đường ĐX 10, ấp Hóa Nhứt, xã Tân Vĩnh Hiệp	UBND Tx Tân Uyên	1	4.500
22	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao - Thư viện thị xã Tân Uyên	UBND Tx Tân Uyên	1	7.000
23	Nâng cấp bê tông nhựa đường GTNT từ ĐT 742 (nhà ông Luận) đến giáp đường ĐH 409, ấp 3, xã Vĩnh Tân	UBND Tx Tân Uyên	1	7.000
24	Xây dựng nhà làm việc, nhà ở đội cảnh sát 113	UBND Tx Tân Uyên	1	3.200
25	Xây dựng trụ sở Khối đoàn thể xã Thanh Hội	UBND Tx Tân Uyên	1	5.000
26	Xây dựng trụ sở Khối đoàn thể xã Tân Vĩnh Hiệp	UBND Tx Tân Uyên	1	5.000
27	Xây dựng trụ sở Khối đoàn thể phường Thanh Phước	UBND Tx Tân Uyên	1	3.600
28	Xây dựng trạm y tế xã Bạch Đằng	UBND Tx Tân Uyên	1	5.000
29	Trung tâm Văn hóa thể thao xã Phú Chánh	UBND Tx Tân Uyên	1	2.800
30	Nâng cấp BTN đường bờ sông, xã Bạch Đằng	UBND Tx Tân Uyên	1	3.000
31	Nâng cấp BTN tuyến đường Khánh Bình 13	UBND Tx Tân Uyên	1	3.000
V	BẮC TÂN UYÊN		9	61.300
32	Trung tâm văn hóa - Học tập cộng đồng xã Tân Lập (giai đoạn 1)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	9.000
33	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng xã Lạc An (giai đoạn 2)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	9.000
34	Trung tâm văn hóa, thể thao - học tập cộng đồng xã Đất Cuốc (giai đoạn 2)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	9.000
35	Trung tâm Văn hóa, thể thao – học tập cộng đồng xã Hiếu Liêm (giai đoạn 1)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	9.000

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Số dự án	Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2020 lần 2
36	Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Học tập cộng đồng xã Bình Mỹ (Giai đoạn 1)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	9.000
37	Nhà làm việc Quản lý hành chính - trật tự xã hội công an huyện	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	5.000
38	Trung tâm văn hóa - Học tập cộng đồng xã Tân Định (giai đoạn 2)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	7.100
39	Nâng cấp bê tông nhựa đường GTNT Tân Lập 02 (đoạn từ Km1+000 đến Km2+000)	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	3.500
40	Nâng cấp bê tông nhựa đường Bình Mỹ 37	UBND huyện Bắc Tân Uyên	1	700
VI	BẾN CÁT		9	81.043
41	Sở Chỉ huy - Ban Chỉ huy Quân sự thị xã Bến Cát. (giai đoạn 2)	UBND Tx Bến Cát	1	14.493
42	Xây dựng Hội trường Công an thị xã Bến Cát.	UBND Tx Bến Cát	1	8.024
43	Xây dựng mới Trụ sở Thị Ủy Bến Cát.	UBND Tx Bến Cát	1	13.743
44	Nâng cấp tuyến đường ĐH 606 đến đường ĐT 748, xã An Điền	UBND Tx Bến Cát	1	6.480
45	Nâng cấp BTNN tuyến đường từ QL13 khúc nhạc tình đến Công ty Hồng Hà khu phố 3, phường Tân Định	UBND Tx Bến Cát	1	6.744
46	Nâng cấp tuyến đường Bầu Tây (Sinh Thái) - ĐH 609, ấp Phú Thứ, xã Phú An	UBND Tx Bến Cát	1	4.742
47	Trụ sở làm việc Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Bến Cát	UBND Tx Bến Cát	1	5.201
48	Xây dựng Hội trường UBND phường Thới Hòa	UBND Tx Bến Cát	1	5.377
49	Xây dựng hạ tầng khu Trung tâm văn hóa, Thể thao và dịch vụ công cộng thị xã Bến Cát	UBND Tx Bến Cát	1	16.239
VII	PHÚ GIÁO		2	14.563
50	Xây dựng Nhà khách Công an huyện	UBND huyện Phú Giáo	1	7.000
51	Xây dựng trụ sở làm việc MTTQ, khối đoàn thể xã Vĩnh Hòa	UBND huyện Phú Giáo	1	7.563
VIII	DẦU TIẾNG		8	114.400
52	Xây dựng Khu di tích lịch sử Chiến khu Long Nguyên (Khu căn cứ Tỉnh ủy) giai đoạn 1	UBND huyện Dầu Tiếng	1	14.600
53	Nâng cấp đường Ngô Quyền, khu phố 1, thị trấn Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1	6.300
54	Chỉnh trang khu dân cư khu phố 4B - thị trấn Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1	28.500
55	Khán đài sân bóng đá huyện	UBND huyện Dầu Tiếng	1	9.200
56	Nâng cấp tường vào TTVH TT-TT huyện (đoạn giáp khu dân cư)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	8.300
57	Trạm y tế xã Định An	UBND huyện Dầu Tiếng	1	11.200
58	Nâng cấp ngã tư Minh Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	1	26.300
59	Chợ An Lập (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	1	10.000
IX	BÀU BÀNG		7	33.000
60	XD mới Hội trường UBND xã Trừ Văn Thố	UBND huyện Bàu Bàng	1	3.500
61	Đường dây trung, hạ thế và 3 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu vực ấp 1,4 xã Trừ Văn Thố.	UBND huyện Bàu Bàng	1	1.500
62	Đường dây trung, hạ thế và trạm biến áp cấp điện cho các hộ dân khu phố Đồng chèo, tăng công suất trạm biến áp UBND Thị trấn Lai Uyên	UBND huyện Bàu Bàng	1	2.000
63	Đường dây trung, hạ thế và 2 trạm biến áp 1x 50KVA cấp điện cho các hộ dân khu phố Bàu Hốt, thị trấn Lai Uyên	UBND huyện Bàu Bàng	1	1.000
64	Nâng cấp bê tông nhựa nóng đường Bắc Bến Tượng (đường Lai Hưng -20 đoạn từ ngã 3 văn phòng ấp Bến Tượng đến ngã 3 giáp đường láng nhựa Viện nghiên cứu cao su, xã Lai Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	1	3.500
65	Bê tông nhựa nóng đường liên ấp 3,4 (GĐ2) xã Trừ Văn Thố	UBND huyện Bàu Bàng	1	4.500
66	Xây dựng nhà công vụ	UBND huyện Bàu Bàng	1	17.000



Phụ lục XIII

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NGỪNG BỎ TRÍ VỐN TRONG KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG 2020

(Kế hoạch được trình số 2953/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh)

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KH 2020	Dự kiến điều chỉnh 2020	Số vốn ngưng bỏ trí
	TỔNG SỐ		71.373	0	-71.373
1	Nạo vét, gia cố Suối Cái và các tuyến suối còn lại từ sau cầu Thợ Ụt 100m đến sông Đồng Nai	Sở Nông nghiệp và PTNT	2.000	0	-2.000
2	Hệ thống ghi âm, ghi hình Nhà hời cung các cơ sở giam giữ	Công an tỉnh	500	0	-500
3	Hệ thống xử lý nước thải các cơ sở giam giữ Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	500	0	-500
4	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ Công an thị xã Tân Uyên	Công an tỉnh	500	0	-500
5	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Vĩnh Hiệp	Công an tỉnh	500	0	-500
6	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tam Lập	Công an tỉnh	500	0	-500
7	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Thành	Công an tỉnh	500	0	-500
8	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tân Vĩnh Hiệp	Công an tỉnh	500	0	-500
9	Mua sắm trang thiết bị, phương tiện chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Tam Lập	Công an tỉnh	500	0	-500
10	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Hiệp An	Công an tỉnh	500	0	-500
11	Xây dựng Đội chữa cháy chuyên nghiệp khu vực Thanh Phước	Công an tỉnh	500	0	-500
12	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện chuyên khoa Tâm thần và bệnh viện Lao và Bệnh phổi	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.000	0	-1.000
13	Trung tâm văn hóa thể thao công nhân lao động tỉnh Bình Dương	Liên đoàn Lao động tỉnh	3.264	0	-3.264
14	Cổng chào tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1.000	0	-1.000
15	Trường Trung học cơ sở Đông Chiêu	UBND Tx. Dĩ An	56.009	0	-56.009
16	XD bổ sung phòng học Trường TH Tân Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	1.000	0	-1.000
17	Trường mầm non Hưng Hòa	UBND huyện Bàu Bàng	100	0	-100
18	Trường mầm non Tân Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	100	0	-100
19	Xây dựng đường trục chính Đông Tây	UBND Tp.Thủ Dầu Một	1.900	0	-1.900

Phụ lục XV

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐẦU TƯ TRONG KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG 2020



theo Quyết định số 2953/TTg-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2020
của UBND tỉnh

STT		Chủ đầu tư	KH 2020	Dự kiến điều chỉnh 2020	Số vốn bố trí giảm
			5.154.218	3.242.922	-1.911.296
1	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Văn Mên (Hương lộ 9) từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến cảng An Sơn	UBND Tx Thuận An	2.000	500	-1.500
2	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 13 (giai đoạn 2018 - 2021)	UBND Tx Thuận An	715.245	301.000	-414.245
3	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT742 đoạn qua thành phố Thủ Dầu Một và thị xã Tân Uyên	UBND Tx Tân Uyên	1.930	100	-1.830
4	Giải phóng mặt bằng công trình Nâng cấp, mở rộng ĐT747a đoạn từ Thái Hòa đến Uyên Hưng	UBND Tx Tân Uyên	400	100	-300
5	Giải phóng mặt bằng đường Đất Cuốc đi Thới Hòa - An Điền (trùng tuyến đường Vành đai 4)	UBND thị xã Bến Cát	1.505	396	-1.109
6	Nâng cấp, mở rộng ĐT748 đoạn từ giáp giao lộ ngã tư Phú Thứ đến vành đai Bắc thị trấn Mỹ Phước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	5.080	4.200	-880
7	Cải tạo hạ tầng giao thông công cộng tại tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	3.000	328	-2.672
8	Xây dựng đường từ ngã ba Tam Lập đến Bàu Bàng thuộc tuyến đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Phú Giáo	750	127	-623
9	Xây dựng đường từ cầu Tam Lập đến Đồng Phú thuộc tuyến đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Phú Giáo	750	100	-650
10	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát, thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp.Thủ Dầu Một	2.500	500	-2.000
11	Dự án bồi thường, hỗ trợ di dời các hộ dân thuộc khu vực có nguy cơ sạt lở ven sông Đồng Nai, huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	68.000	50.369	-17.631
12	Xóa điện kế dùng chung trên địa bàn huyện Phú Giáo	UBND huyện Phú Giáo	48.000	30.000	-18.000
13	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước Bình Hòa	Ban QLDA ngành NN và PTNT	2.655	2.359	-296
14	Trường THPT chuyên Hùng Vương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.000	136	-864
15	Tôn tạo di tích lịch sử Khảo Cổ Dốc Chùa	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	2.000	150	-1.850
16	Xây dựng mới thư viện tỉnh	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	500	100	-400
17	Dự án Trưng tu, tôn tạo Di tích Sở Chỉ huy tiền phương Chiến dịch Hồ Chí Minh giai đoạn 2 (Dự án 2: Sưu tầm và trưng bày hình ảnh tư liệu hiện vật; trọng đài trung tâm; xây dựng sa bàn, bộ thờ các Anh hùng liệt sĩ; Phục chế nhà làm việc, sinh hoạt, hiện vật gắn liền của ba đồng chí chỉ huy chiến dịch)	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	1.000	500	-500
18	Trung tâm hành chính huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	8.048	1.500	-6.548
19	Xây dựng Kho lưu trữ Tỉnh ủy.	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.100	1.000	-100
20	Triển khai hệ thống camera quan sát an ninh trong thành phố mới Bình Dương và Công thông tin điện tử Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	5.000	500	-4.500
21	Xây dựng Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH trên sông	Công an tỉnh	500	100	-400
22	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 2: Xây dựng cầu vượt sông Đồng Nai	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	220.000	71.000	-149.000
23	Xây dựng đường và cầu kết nối tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	200.000	106.000	-94.000
24	Xây dựng đường Thủ Biên - Đất Cuốc với quy mô 4 làn xe (GD 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	131.660	113.000	-18.660
25	Xây dựng đường từ Tân Thành đến cầu Tam Lập (xã Tân Định) thuộc tuyến đường tạo lực Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng	UBND huyện Bắc Tân Uyên	400.000	250.000	-150.000
26	Đường Bạch Đằng nối dài, phường Phú Cường	UBND Thành phố Thủ Dầu Một	116.755	98.000	-18.755
27	Đường ĐT744 đoạn từ Km12+000 đến Km32+000	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	25.000	23.000	-2.000

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KH 2020	Dự kiến điều chỉnh 2020	Số vốn bố trí giảm
28	Hệ thống thoát nước trên đường ĐT 744 tại 03 vị trí cấp bách (Km23+733, Km25+399, Km31+508) huyện Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	1.125	25	-1.100
29	Xây dựng cầu Phú Long, hạng mục: Đường dẫn vào cầu	UBND thị xã Thuận An	1.020	801	-219
30	Trạm chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật tinh Bình Dương	Ban QLDA ngành NN và PTNT	48.300	37.975	-10.325
31	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Minh Hòa, xã Minh Tân, xã Định An, huyện Dầu Tiếng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	2.265	1.670	-595
32	Mở rộng tuyến ống cấp nước sạch trên địa bàn xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	1.125	763	-362
33	Đầu tư lắp đặt thiết bị quan trắc giám sát tự động trực tuyến tại các trạm cấp nước tập trung	Trung tâm Đầu tư khai thác thủy lợi và nước sạch nông thôn	29.700	29.500	-200
34	Xây dựng cổng kiểm soát triều rạch Bình Nhâm	Ban QLDA ngành NN và PTNT	135.525	110.207	-25.318
35	Trục thoát nước Bung Biệp - Suối Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	145.850	141.000	-4.850
36	Cải tạo, sửa chữa khu mổ, X quang, khoa nhi, nhánh A, nhánh B của Bệnh viện đa khoa tỉnh.	Bệnh viện đa khoa tỉnh	30.592	15.000	-15.592
37	Thiết bị Bệnh viện đa khoa 1500 giường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	700.000	350.000	-350.000
38	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Uyên quy mô 200 giường (định hướng 400 giường)	UBND TX Tân Uyên	70.000	55.000	-15.000
39	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.700	685	-1.015
40	Xe truyền hình lưu động 6 camera HD	Đài Phát thanh truyền hình	50.000	49.000	-1.000
41	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu D	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	145.151	134.492	-10.659
42	Trung hỗ trợ Thanh niên công nhân và Lao động trẻ tỉnh Bình Dương	Tỉnh đoàn	1.298	487	-811
43	Kho lưu trữ Sớ Tài nguyên và Môi trường	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	98.650	63.696	-34.954
44	Cơ sở làm việc Công an thành phố Thủ Dầu Một	Công an tỉnh	87.870	69.780	-18.090
45	Bờ kè chống sạt lở Trại tam giam và Trung tâm Huấn luyện Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	3.630	3.300	-330
46	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thành phố Thủ Dầu Một	Công an tỉnh	500	387	-113
47	Xây dựng trụ sở các đội Cảnh sát PC&CC khu vực: Phường Bình Thảng - Thị xã Dĩ An; KCN VSIP 2 - xã Vĩnh Tân - Thị xã Tân Uyên; KCN Đất Cuốc - Xã Đất Cuốc - huyện Bắc Tân Uyên; Xã Phước Hoà - huyện Phú Giáo; Thị trấn Dầu Tiếng - huyện Dầu Tiếng	Công an tỉnh	3.500	3.129	-371
48	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Vốn XSKT)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	93.213	85.280	-7.933
49	Khu điều trị 300 giường (Khoa sản) thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	3.367	370	-2.997
50	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Hòa Phú	UBND Tp. Thủ Dầu Một	3.500	3.272	-228
51	Xây dựng mới bổ sung nhà thi đấu thể dục thể thao Trường trung học phổ thông chuyên Hùng Vương	UBND Tp. Thủ Dầu Một	12.700	12.583	-117
52	Trường Tiểu học Phú Lợi 2	UBND Tp. Thủ Dầu Một	58.000	37.563	-20.437
53	Trường Trung học cơ sở Phú Hòa 2	UBND Tp. Thủ Dầu Một	90.000	69.007	-20.993
54	Trường Tiểu học An Thạnh	UBND Tx. Thuận An	45.000	38.000	-7.000
55	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trung Trực	UBND Tx. Thuận An	4.000	1.000	-3.000
56	Trường Tiểu học Tuy An	UBND Tx. Thuận An	4.804	915	-3.889
57	Trường THCS Tân Đông Hiệp B	UBND Tx. Dĩ An	2.900	960	-1.940
58	Trường TH Tân Bình B	UBND Tx. Dĩ An	3.116	2.242	-874
59	Trường TH Châu Thới	UBND Tx. Dĩ An	2.900	2.050	-850
60	Mở rộng trường Trung học cơ sở Đông Hòa	UBND Tx. Dĩ An	27.992	21.800	-6.192

STT		Chủ đầu tư	KH 2020	Dự kiến điều chỉnh 2020	Số vốn bố trí giảm
61	Trường Tiểu học Mỹ Hạnh Bắc	UBND Tx. Dĩ An	52.212	48.500	-3.712
62	Trường Tiểu học Mỹ Hạnh Bắc	UBND Tx. Dĩ An	50.089	34.900	-15.189
63	Trường mầm non Đồng Hòa	UBND Tx. Dĩ An	39.564	26.100	-13.464
64	Trường Trung học cơ sở Dĩ An	UBND Tx. Dĩ An	6.215	1.285	-4.930
65	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Dĩ An B	UBND Tx. Dĩ An	7.505	4.628	-2.877
66	Trường tiểu học An Tây B (giai đoạn 2)	UBND Tx. Bến Cát	16.000	13.400	-2.600
67	Trường Tiểu học Hòa Lợi	UBND Tx. Bến Cát	58.270	40.507	-17.763
68	Trường THCS An Điền (GD 2)	UBND Tx. Bến Cát	25.370	20.700	-4.670
69	Xây dựng, bổ sung khối phòng học Trường THPT Bến Cát.	UBND Tx. Bến Cát	25.000	17.044	-7.956
70	Trường tiểu học Đình Phước	UBND Tx. Bến Cát	12.838	12.400	-438
71	Trường tiểu học An Tây B (giai đoạn 1)	UBND Tx. Bến Cát	18.086	17.200	-886
72	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường THCS Lê Quý Đôn	UBND Tx. Bến Cát	690	512	-178
73	Trường TH Tân Phước Khánh B	UBND TX Tân Uyên	1.000	532	-468
74	Cải tạo nâng cấp mở rộng trường THPT Tân Phước Khánh	UBND TX Tân Uyên	500	412	-88
75	Trường THCS Vĩnh Tân	UBND TX Tân Uyên	11.000	6.200	-4.800
76	Trường TH Khánh Bình	UBND TX Tân Uyên	11.000	6.200	-4.800
77	Trường Mầm non Thạnh Hội	UBND Tx. Tân Uyên	1.800	1.632	-168
78	Trường Trung học cơ sở Phú Chánh	UBND Tx. Tân Uyên	2.175	1.686	-489
79	Trường Trung học cơ sở Khánh Bình	UBND Tx. Tân Uyên	5.000	4.106	-894
80	Trường Trung học cơ sở Tân Hiệp	UBND Tx. Tân Uyên	5.000	4.025	-975
81	Trường Trung học cơ sở An Lập (giai đoạn 1)	UBND huyện Dầu Tiếng	25.462	19.796	-5.666
82	Trường Tiểu học Định An (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	35.277	23.963	-11.314
83	Trường tiểu học An Thái (giai đoạn 2)	UBND huyện Phú Giáo	14.755	12.497	-2.258
84	Trường tiểu học An Linh	UBND huyện Phú Giáo	1.852	1.715	-137
85	Trường Tiểu học Phước Vĩnh B	UBND huyện Phú Giáo	3.043	2.613	-430
86	XD bổ sung phòng học Trường THPT Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	1.000	700	-300
87	Cải tạo, NC MR trường THCS Lai Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	1.000	600	-400
88	Xây dựng bổ sung phòng học Trường tiểu học Kim Đồng	UBND huyện Bàu Bàng	3.112	400	-2.712
89	Trường Tiểu học Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	2.000	1.790	-210
90	Nâng cấp, mở rộng đường phân khu ĐX 144, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một	UBND Tp.Thủ Dầu Một	100.000	70.000	-30.000
91	Mở mới đường để bao dọc rạch Bà Cô; CCTL: 110.000 trđ.	UBND Tp.Thủ Dầu Một	110.000	10.000	-100.000
92	Mở mới đường Tạo lực 6 nối dài; CCTL: 100.000 trđ.	UBND Tp.Thủ Dầu Một	117.000	70.000	-47.000
93	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ cầu Thủ Ngự đến cầu Thầy Năng), phường Chánh Nghĩa	UBND Tp.Thủ Dầu Một	44.000	10.000	-34.000
94	Mở rộng vỉa hè đường Bạch Đằng (đoạn từ ngã ba đường Ngô Quyền đến đường Định Bộ Lĩnh)	UBND Tp.Thủ Dầu Một	5.000	841	-4.159
95	Đường mở mới từ đường CMT8 đến đường Nguyễn Tri Phương (đường tổ 36, khu 5, phường Chánh Nghĩa)	UBND Tp.Thủ Dầu Một	3.000	1.732	-1.268
96	Trường TH Lê Thị Trung	UBND Tx. Thuận An	25.000	19.000	-6.000
97	Nâng cấp, mở rộng đường Chiêu Liêu	UBND Tx. Dĩ An	77.500	74.000	-3.500
98	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 423 (đoạn từ ngã tư đường ĐH 409 đến giáp đường ĐT 747A)	UBND Tx. Tân Uyên	30.000	8.027	-21.973
99	Xây dựng Công viên dọc sông Thị Tinh (đoạn qua chợ Bến Cát)	UBND Tx. Bến Cát	33.732	23.732	-10.000
100	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH 610 xã Long Nguyên	UBND huyện Bàu Bàng	3.000	2.221	-779
101	Bê tông nhựa đường từ nhà Ông Bảy Hộ đến nhà Bà Suối xã Lai Hưng	UBND huyện Bàu Bàng	1.000	125	-875
102	Trung tâm văn hóa - thể thao huyện	UBND huyện Bàu Bàng	500	204	-296
103	Xây dựng đường vào khu Trung tâm chính trị - hành chính thị xã Thuận An	UBND Tx. Thuận An	59.500	40.000	-19.500
104	Xây dựng mới đường Hưng Định 15, phường Hưng Định, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	UBND Tx. Thuận An	170.000	140.000	-30.000
105	Nâng cấp đường ĐH 516 (đường Tân Long - An Long)	UBND huyện Phú Giáo	32.500	27.813	-4.687
106	Nâng cấp đường ĐH 502 (từ ngã 3 cây khô đến cầu Vàm Vá 2)	UBND huyện Phú Giáo	32.000	22.180	-9.820

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN BỔ TRÍ TĂNG VỐN TRONG KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG 2020



Kèm theo Quyết định số 2953/TTg-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020
của UBND tỉnh

STT		Chủ đầu tư	KH 2020	Dự kiến điều chỉnh 2020	Số vốn bổ trợ tăng
	TỔNG SỐ		2.562.057	4.679.559	2.117.502
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT741B	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	1.220	1.720	500
2	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT746 đoạn từ ngã ba Tân Thành đến ngã ba Hội Nghĩa	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	2.260	2.950	690
3	Xây dựng tường kè gia cố bờ sông Sài Gòn (đoạn từ cầu Thủ Ngự đến rạch Bảy Tra)	UBND Tp. Thủ Dầu Một	500	1.780	1.280
4	Dự án giải phóng mặt bằng trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát, thị xã Thuận An	UBND thị xã Thuận An	23.000	439.000	416.000
5	Xây dựng khu tái định cư và lập phương án di dời các hộ dân đang sinh sống trong rừng phòng hộ Núi Cậu Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	3.500	11.175	7.675
6	Đầu tư giải quyết điểm ngập đoạn Ngã Ba Cống đường Thích Quảng Đức (từ Ngã Ba Cống đến cầu Bà Hên)	Ban QLDA ngành NN và PTNT	500	1.000	500
7	Đầu tư Cơ sở hạ tầng Khu tái định cư thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước, phường Định Hòa	UBND TP TDM	200	859	659
8	Khu hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ Trung tâm hành chính tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	305	1.606	1.301
9	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để xây dựng khu Căn cứ Hậu cần kỹ thuật tại huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	305	17.353	17.048
10	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên - Giai đoạn 2	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	143.000	185.000	42.000
11	Đầu tư vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường Huỳnh Văn Lũy	UBND Tp. Thủ Dầu Một	98.375	121.710	23.335
12	Xây dựng đường và cầu Vàm Từ	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	43.755	46.000	2.245
13	Xây dựng đường N8-N10 (từ đường Lê Hồng Phong đến đường Nguyễn Thị Minh Khai)	UBND Tp. Thủ Dầu Một	57.570	57.669	99
14	Xây dựng đường nội bộ Tiểu đoàn 2 - Trung đoàn cảnh sát cơ động 25, xã Phú An, thị xã Bến Cát	UBND thị xã Bến Cát	8.630	10.032	1.402
15	Xây dựng cầu bắc qua sông Đồng Nai (Cầu Bạch Đằng 2) - Dự án 1: Xây dựng đường dẫn vào cầu phía Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	51.000	96.500	45.500
16	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ dốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Cống Xanh (giáp đường ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	23.000	140.000	117.000
17	Giải phóng mặt bằng đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng (đoạn từ đường 7B đến Khu Công nghiệp Bàu Bàng)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	2.000	12.975	10.975
18	Giải phóng mặt bằng đường Thủ Biên - Đất Cuốc	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	2.000	14.100	12.100
19	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	30.000	42.000	12.000
20	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Bình Nhâm đến đường Châu Văn Tiếp, thị xã Thuận An, Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	6.000	7.000	1.000
21	Giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	200	5.165	4.965
22	Xây dựng kè chống sạt lở cù lao Rùa (Vị trí cù lao Rùa)	UBND thị xã Tân Uyên	1.700	16.700	15.000
23	Đền bù mở rộng suối Lồ Ô thuộc dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	UBND Tx. Dĩ An	34.303	138.000	103.697
24	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	50.000	73.000	23.000
25	Hệ thống thoát nước bên ngoài các khu công nghiệp An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	26.035	65.914	39.879

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KH 2020	Dự kiến điều chỉnh 2020	Số vốn bố trí tăng
26	Trục thoát nước Chôm Sao - Suối Đồn	Ban QLDA ngành NN và PTNT	12.897	19.145	6.248
27	Nạo vét suối chợ Tân Phước Khánh	Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương	14.900	15.900	1.000
28	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể (thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	31.951	48.600	16.649
29	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Vốn NS tỉnh tập trung)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	547.369	702.706	155.337
30	Xây dựng khối kỹ thuật trung tâm và nhà quản (thuộc khu quy hoạch chi tiết 1/500 bệnh viện đa khoa 1500 giường và ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	105.850	322.891	217.041
31	Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi tỉnh Bình Dương (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	225	405	180
32	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ Bệnh viện chuyên khoa Lao, Tâm thần và khu tái định cư	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	500	750	250
33	Các trục giao thông chính thuộc Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của Nhà nước	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	16.182	46.195	30.013
34	Đầu tư trang thiết bị phục vụ cho phòng thí nghiệm, thực hành và nghiên cứu ở Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Điện - Điện tử thuộc Trường Đại học Thủ Dầu Một	Trường Đại học Thủ Dầu Một	20.250	35.500	15.250
35	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương	Sở Tài nguyên và Môi trường	440	840	400
36	Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình phát thanh truyền hình Trường quay - Nhà bá âm	Đài Phát thanh truyền hình	53.800	54.172	372
37	Trụ sở làm việc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương	Đài Phát thanh truyền hình	52.094	69.471	17.377
38	Trường quay- nhà bá âm FM Đài phát thanh truyền hình Bình Dương	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	2.275	2.400	125
39	Trung bày mỹ thuật khu tưởng niệm Chiến khu D	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	20.000	22.000	2.000
40	Nâng cấp cơ sở vật chất Bảo tàng tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	15.497	24.000	8.503
41	Đoàn Văn Công tỉnh Bình Dương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	211	261	50
42	Cải tạo tầng P1 và hệ thống chữa cháy tại Tòa nhà Trung tâm Hành chính	Sở Nội vụ	29.000	29.071	71
43	Trung tâm lưu trữ tập trung tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	150.952	154.000	3.048
44	Xây dựng nhà ăn cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	7.000	14.000	7.000
45	Xây dựng Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh thuộc Trường Quân sự địa phương	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	30.000	47.819	17.819
46	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bàu Bàng	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	1.400	3.625	2.225
47	Xây dựng các hạng mục phục vụ sinh hoạt và làm việc cho Doanh trại Ban Chỉ huy quân sự huyện Bắc Tân Uyên	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	4.200	4.965	765
48	Xây dựng văn phòng điện tử tại Công an tỉnh và công an các huyện, thị xã, thành phố	Công an tỉnh	4.250	4.427	177
49	Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến	Công an tỉnh	11.781	20.587	8.806
50	Nhà làm việc chính Công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	3.000	9.000	6.000
51	Nhà khách công vụ công an tỉnh Bình Dương	Công an tỉnh	37.165	43.500	6.335
52	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an Thị xã Thuận An	Công an tỉnh	500	2.700	2.200
53	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng Nhà tạm giữ của Công an huyện Dầu Tiếng	Công an tỉnh	500	643	143
54	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác ứng cứu sự cố cháy nổ	Công an tỉnh	775	798	23
55	Đầu tư Thiết bị khoa sản 300 giường Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Ban QLDA ĐT&XD tỉnh	10.171	27.708	17.537
56	Trung tâm y tế huyện Bàu Bàng - quy mô 100 giường bệnh - Nguồn XSKT	UBND huyện Bàu Bàng	10.291	40.291	30.000

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KH 2020	Dự kiến điều chỉnh 2020	Số vốn bố trí tăng
57	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Bình Phú	UBND Tp. Thủ Dầu Một	20.000	41.000	21.000
58	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông An Mỹ	UBND Tp. Thủ Dầu Một	20.000	50.000	30.000
59	Trường Tiểu học Định Hòa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	20.000	45.000	25.000
60	Trường Mầm non Võ Minh Đức	UBND Tp. Thủ Dầu Một	10.000	18.000	8.000
61	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nội bộ, phòng học cũ Trường trung học phổ thông Võ Minh Đức	UBND Tp. Thủ Dầu Một	11.761	15.000	3.239
62	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Tp. Thủ Dầu Một	518	1.926	1.408
63	Trường Tiểu học Chánh Nghĩa	UBND Tp. Thủ Dầu Một	2.000	2.432	432
64	Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	UBND Tp. Thủ Dầu Một	963	2.465	1.502
65	Trường TH Bình Chuẩn 2	UBND Tx. Thuận An	25.291	33.290	7.999
66	Trường Trung học cơ sở Bình Chuẩn	UBND Tx. Thuận An	45.462	46.000	538
67	Trường Trung học phổ thông Lý Thái Tổ	UBND Tx. Thuận An	75.626	80.000	4.374
68	Trường trung học phổ thông Nguyễn Thị Minh Khai	UBND Tx. Dĩ An	37.687	48.600	10.913
69	Trường Tiểu học Tân Đông Hiệp C	UBND Tx. Dĩ An	21.088	27.000	5.912
70	Trường THCS Hòa Lợi.	UBND Tx. Bến Cát	1.150	1.200	50
71	Trường trung học phổ thông Thái Hòa	UBND Tx. Tân Uyên	9.000	31.089	22.089
72	Trường mầm non Thanh Phước	UBND TX Tân Uyên	10.937	16.268	5.331
73	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	UBND Tx. Tân Uyên	10.000	12.616	2.616
74	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường tiểu học Long Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	300	1.100	800
75	Trường THCS Định Hiệp (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	1.500	11.000	9.500
76	Xây dựng nhà tập đa năng Trường Trung học phổ thông Dầu Tiếng	UBND huyện Dầu Tiếng	300	6.102	5.802
77	Trường trung học cơ sở Minh Tân (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	29.740	32.719	2.979
78	Trường Tiểu học Minh Thạnh (giai đoạn 2)	UBND huyện Dầu Tiếng	10.517	13.600	3.083
79	Trường THCS Minh Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	413	655	242
80	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học phổ thông Phước Hòa	UBND huyện Phú Giáo	14.400	14.735	335
81	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Vĩnh Hòa	UBND huyện Phú Giáo	20.000	40.000	20.000
82	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng Trường Trung học cơ sở Lai Uyên	UBND huyện Bàu Bàng	100	1.100	1.000
83	Trường tiểu học Trừ Văn Thố	UBND huyện Bàu Bàng	40.000	40.661	661
84	Trường trung học cơ sở Trừ Văn Thố	UBND huyện Bàu Bàng	3.000	3.329	329
85	Đường Trần Văn Ôn	UBND Tp. Thủ Dầu Một	10.000	10.365	365
86	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Ngọc Lân (từ ĐLBD đến đường Huỳnh Văn Lũy)	UBND Tp. Thủ Dầu Một	3.900	9.365	5.465
87	Đường Lê Chí Dân, phường Hiệp An	UBND Tp. Thủ Dầu Một	95.000	331.408	236.408
88	Đường Hoàng Hoa Thám II	UBND Tp. Thủ Dầu Một	2.000	2.634	634
89	Cải tạo, nâng cấp đường Bùi Thị Xuân (đoạn từ đường Mỹ Phước - Tân Vạn đến ranh Thái Hòa - Tân Uyên)	UBND Tx. Thuận An	15.000	33.200	18.200
90	Trường THPT Trịnh Hoài Đức (cải tạo, nâng cấp, mở rộng phục vụ đề án trường THPT tỉnh Bình Dương Trịnh Hoài Đức chất lượng cao)	UBND Tx. Thuận An	15.000	15.561	561
91	Trường mầm non Hòa Mai 3	UBND Tx. Thuận An	7.000	13.316	6.316
92	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐH 402, phường Tân Phước Khánh	UBND Tx. Tân Uyên	1.200	1.700	500

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	KH 2020	Dự kiến điều chỉnh 2020	Số vốn bố trí tăng
93	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Bắc Tân Uyên	UBND huyện Bắc Tân Uyên	12.000	32.000	20.000
94	Nâng cấp, mở rộng đường từ Kho bạc Bến Cát đến Cầu Quan	UBND Tx. Bến Cát	48.895	59.754	10.859
95	Nâng cấp Đường ĐH 515	UBND huyện Phú Giáo	13.953	17.185	3.232
96	Đường ĐH 512 (Đường Kiểm)	UBND huyện Phú Giáo	15.181	17.450	2.269
97	Đầu tư nâng cấp đường 19/5	UBND huyện Phú Giáo	1.858	1.891	33
98	Nâng cấp nhựa đường ĐH 721 (từ ĐT 749a đến ĐT 750)	UBND huyện Dầu Tiếng	13.220	33.220	20.000
99	Mở rộng đường từ trước Huyện ủy - UBND huyện đến đường Cách mạng tháng 8	UBND huyện Dầu Tiếng	3.101	6.826	3.725
100	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị Minh Hòa	UBND huyện Dầu Tiếng	49.712	63.719	14.007
101	Tăng cường năng lực phân tích kiểm nghiệm của Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh thuộc Sở Y tế (giai đoạn 2)	Trung tâm kiểm nghiệm tỉnh	1.000	16.000	15.000
102	Trung tâm hành chính huyện Bàu Bàng	UBND huyện Bàu Bàng	7.500	99.500	92.000